

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH ĐÃ ĐÁP ỨNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN, THỦ TỤC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN, KHÔNG HÀM Ý BẢO ĐẢM VỀ NỘI DUNG CỦA BẢN CÁO BẠCH, KHÔNG HÀM Ý VIỆC ĐẦU TƯ VÀO CHỨNG QUYỀN ĐƯỢC BẢO ĐẢM HAY ĐƯỢC THANH TOÁN ĐẦY ĐÚ CÙNG NHƯ MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ, PHƯƠNG ÁN KINH DOANH CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.

NHÀ ĐẦU TƯ ĐƯỢC KHUYẾN NGHỊ NÊN ĐỌC KỸ VÀ HIỂU CÁC NỘI DUNG QUY ĐỊNH Ở BẢN CÁO BẠCH, ĐẶC BIỆT LÀ PHẦN CẢNH BÁO RỦI RO Ở TRANG 05 TRONG BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ CHÚ Ý ĐẾN CÁC KHOẢN PHÍ, LỆ PHÍ, THUẾ KHI GIAO DỊCH CHỨNG QUYỀN CÓ ĐẢM BẢO.

GIÁ GIAO DỊCH CHỨNG QUYỀN CÓ THỂ THAY ĐỔI TÙY VÀO TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG, NHÀ ĐẦU TƯ CÓ THỂ CHỊU THIẾT HẠI VỀ SỐ VỐN ĐẦU TƯ VÀ CÓ THỂ MẤT TOÀN BỘ VỐN ĐẦU TƯ.

CÁC THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH VÀ CÁC CHỨNG QUYỀN PHÁT HÀNH TRƯỚC ĐÂY (NẾU CÓ) CHỈ MANG TÍNH CHẤT THAM KHẢO VÀ KHÔNG CÓ Ý NGHĨA LÀ VIỆC ĐẦU TƯ SẼ SINH LỜI CHO NHÀ ĐẦU TƯ.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

(Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 68/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 06/11/2007, Giấy phép điều chỉnh số 52/GPĐC-UBCK ngày 12/07/2021)

VIET CAPITAL
SECURITIES



CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

(Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền số ...165 /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ...7.1.9. /2021.)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

TỔ CHỨC CHÀO BÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT



Trụ sở chính

Địa chỉ: Tháp Tài chính Bitexco, Lầu 15, 2 Hải Triều, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: +84 (0)28 3914 3588 Fax: +84 (0)28 3914 4531

Website: www.vcsc.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: +84 (0)24 6262 6999 Fax: +84 (0)24 6278 2688

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: Ông Đình Quang Hoàn

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Số điện thoại: +84 (0)28 3914 3588

Fax: +84 (0)28 3914 4531

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 08 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

(Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 68/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 06/11/2007, Giấy phép điều chỉnh số 52/GPĐC-UBCK ngày 12/07/2021)



Địa chỉ: Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, 2 Hải Triều, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 (0)28 3914 3588 Fax: +84 (0)28 3914 4531 Website: www.vcsc.com.vn

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

| | |
|--------------------------------------|--|
| Tên chứng quyền: | Chứng quyền VPB/VCSC/M/Au/T/A4 |
| Tên (mã) chứng khoán cơ sở: | Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB) |
| Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: | Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng |
| Loại chứng quyền (mua/bán): | Mua |
| Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ): | Châu Âu |
| Phương thức thực hiện chứng quyền: | Tiền mặt – đồng Việt Nam |
| Thời hạn: | 6 tháng |
| Ngày đáo hạn: | Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành |
| Tỷ lệ chuyển đổi: | 1:1 (1 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu) |
| Giá thực hiện: | Từ 40.000 đồng/cổ phiếu đến 90.000 đồng/cổ phiếu. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán |
| Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: | Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán |
| Giá chào bán: | Từ 2.000 đồng đến 8.000 đồng |
| Tổng số lượng chào bán: | 2.000.000 chứng quyền |
| Tổng giá trị chào bán: | Từ 4.000.000.000 đồng đến 16.000.000.000 đồng |

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN



CÔNG TY TNHH PRICEWATERHOUSECOOPERS VIETNAM

Địa chỉ: Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
Điện thoại: +84 (0)28 3823 0796

NGÂN HÀNG NHẬN KÝ QUỸ TÀI SẢN ĐẢM BẢO THANH TOÁN

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CN NAM KỶ KHỞI NGHĨA



Địa chỉ: 66 Phó Đức Chính, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
Điện thoại: +84 (0) 28 3821 8812

MỤC LỤC

| | |
|---|-----------|
| NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH | 5 |
| I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO | 5 |
| 1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền | 5 |
| 2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền | 6 |
| 3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở | 7 |
| 4. Rủi ro về kinh tế | 7 |
| 5. Rủi ro về pháp luật | 10 |
| 6. Rủi ro về thị trường và thị trường ngừng giao dịch | 10 |
| 7. Rủi ro khác | 10 |
| II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH | 11 |
| 1. Tổ chức phát hành | 11 |
| 2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, tổ chức tư vấn | 11 |
| III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT | 12 |
| IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ | 17 |
| 1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam | 17 |
| 2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư | 17 |
| 3. Cơ hội đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm | 19 |
| V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM | 20 |
| 1. Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm | 20 |
| 2. Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành | 40 |
| 3. Tình hình tài chính | 50 |
| VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM | 55 |
| 1. Thông tin chung về chứng quyền | 55 |
| 2. Thông tin về chứng khoán cơ sở | 57 |
| 3. Thời gian phân phối chứng quyền | 58 |
| 4. Đăng ký mua và phân phối chứng quyền | 59 |
| 5. Thực hiện chứng quyền | 59 |
| 6. Quyền của người sở hữu chứng quyền | 61 |
| 7. Điều chỉnh chứng quyền | 61 |
| 8. Các khoản phí, lệ phí, thuế phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền | 62 |
| 9. Hoạt động tạo lập thị trường | 63 |
| VII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM | 64 |

| | |
|--|-----------|
| 1. Quy trình quản trị rủi ro | 64 |
| 2. Phương án phòng ngừa rủi ro dự kiến | 70 |
| VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN..... | 73 |
| 1. Ngân hàng nhận ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán..... | 73 |
| 2. Tổ chức kiểm toán | 74 |
| IX. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH..... | 75 |
| X. CÁC CHỨNG QUYỀN BẢO ĐẢM MÀ CÔNG TY ĐÃ PHÁT HÀNH..... | 76 |
| XI. CAM KẾT | 78 |
| XII. PHỤ LỤC..... | 79 |

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHẬN TÓ RỦI RO

Nhà đầu tư cần đọc bản cáo bạch này và các tài liệu kèm theo để nắm vững các nội dung của chứng quyền có bảo đảm (CW), các rủi ro đi kèm với việc đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm, đồng thời đánh giá sự phù hợp của khoản đầu tư vào sản phẩm chứng quyền có bảo đảm với mục tiêu đầu tư và tình hình tài chính của mình. Nhà đầu tư được khuyến nghị tham khảo các chuyên viên tư vấn tài chính, môi giới chứng khoán hoặc chuyên viên phân tích để nắm vững về cách thức đầu tư vào sản phẩm chứng quyền có bảo đảm này.

Chứng quyền có bảo đảm là sản phẩm cấu trúc phái sinh, có tính chất phức tạp và không phù hợp với các nhà đầu tư thiếu kinh nghiệm. Chúng tôi không khuyến khích nhà đầu tư tham gia đầu tư khi chưa hiểu rõ sản phẩm và chưa sẵn sàng chấp nhận các rủi ro đầu tư được trình bày dưới đây.

Chúng tôi không cam kết thực hiện điều tra, nghiên cứu liên quan tới tổ chức phát hành (TCPH) chứng khoán cơ sở (CKCS): Chúng tôi không đảm bảo về bất cứ sự nghiên cứu, điều tra nào liên quan tới hoạt động của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở. Người sở hữu (NSH) CW không nên hiểu sự phát hành CW như một khuyến nghị của chúng tôi liên quan tới CKCS. Ngoài ra, người sở hữu nên lưu ý rằng các công ty hoặc tổ chức có CKCS hoặc các tổ chức liên quan khác không tham gia vào soạn thảo bản cáo bạch này.

1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền

1.1 Rủi ro từ giao dịch của tổ chức phát hành

TCPH luôn có thể mua lại CW trên thị trường và các CW này có thể được nắm giữ hoặc bị hủy hoặc bán lại. TCPH có thể thực hiện các giao dịch để phòng ngừa rủi ro và giao dịch này có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán cơ sở, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến giá CW.

1.2 Rủi ro CW bị hủy niêm yết liên quan tới vấn đề thanh khoản hoặc giải thể

Trong trường hợp TCPH giải thể, phá sản, hoặc TCPH không đáp ứng được các tiêu chuẩn của sở giao dịch, CW sẽ bị hủy niêm yết. Do đó tồn tại rủi ro CW bị hủy trước ngày đáo hạn.

1.3 Rủi ro thanh toán

Nhà đầu tư cần lưu ý rằng, trong quá trình phát hành chứng quyền, mặc dù những tiêu chuẩn khắc khe về khả năng thanh toán phải luôn được chấp hành bởi tổ chức phát hành, luôn tồn tại rủi ro tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán và không thể thực hiện quyền cho nhà đầu tư. Trong trường hợp tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán hoặc không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền được thực hiện theo quy định pháp luật liên quan.

1.4 Rủi ro từ việc thực hiện sự tự chủ của tổ chức phát hành

Người sở hữu CW nên lưu ý rằng chúng tôi có quyền tự chủ trong các hoạt động kinh doanh phù hợp với điều khoản trong Bản cáo bạch này, và có thể ảnh hưởng đến giá CW. Trong các sự kiện bị mua lại hoặc thay đổi cấu trúc doanh nghiệp liên quan tới quyền lợi của người sở hữu CW, chúng tôi có quyền lựa chọn các hoạt động liên quan tới CW mà chúng tôi cho rằng phù hợp. Người sở hữu không có quyền buộc chúng tôi thực hiện các hoạt động liên quan tới giao dịch hoặc thực hiện quyền của CW. TCPH cam kết sẽ đưa ra các quyết định mang tính cẩn trọng. Nếu các bên liên

quan đến các nghĩa vụ với TCPH không thể đảm bảo được các nghĩa vụ của mình thì điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động liên quan tới CW.

1.5 Rủi ro do mâu thuẫn quyền lợi

TCPH tham gia vào nhiều hoạt động khác nhau có thể gây ra mâu thuẫn quyền lợi với người sở hữu. TCPH không có nghĩa vụ công bố thông tin liên quan tới các hoạt động giao dịch, tư vấn, thực hiện quyền, mâu thuẫn quyền lợi. TCPH luôn có thể phát hành và niêm yết các CW khác có khả năng ảnh hưởng đến giá CW.

1.6 Rủi ro bảo mật thông tin

TCPH cam kết cố gắng hết sức để đảm bảo sự bảo mật của thông tin khách hàng, tuy nhiên TCPH không cam kết có thể cung cấp sự bảo mật hoàn toàn đối với các thông tin này.

2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền

2.1 Rủi ro đầu tư chung

Người sở hữu nên có kiến thức về phương pháp định giá của CW và chỉ nên giao dịch sau khi đã xem xét cẩn trọng. CW là sản phẩm phù hợp với nhà đầu tư hiểu rõ về các rủi ro và các cơ chế giá liên quan. Một khoản đầu tư vào CW không tương đương với một khoản đầu tư vào Tài sản cơ sở (TSCS). Mặc dù lợi nhuận của một khoản đầu tư vào CW liên quan mật thiết tới thay đổi trong giá của TSCS, sự thay đổi của CW đối với sự thay đổi giá TSCS có thể không tương đương. Đòn bẩy cao của CW có nghĩa rằng NSH sẽ có rủi ro đầu tư cao hơn so với đầu tư cùng giá trị vào TSCS.

2.2 Rủi ro do thời gian đáo hạn của CW

Do CW có thời gian đáo hạn nên giá của CW có thể bị giảm khi đến gần ngày đáo hạn của CW. Nếu nhà đầu tư nắm giữ CW đến ngày đáo hạn và giá thanh toán nhỏ hơn hoặc bằng giá thực hiện quyền, thì giá của CW sẽ bằng không, khi đó nhà đầu tư sẽ chịu một khoản lỗ bằng đúng số tiền đã bỏ ra để mua CW. Vì vậy, trước khi quyết định đầu tư vào CW, nhà đầu tư cần nghiên cứu kỹ xu thế biến động giá của chứng khoán cơ sở trong khoảng thời gian còn hiệu lực của CW.

2.3 Rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro do sự thay đổi giá của CW. Sự thay đổi giá của CW phụ thuộc vào nhiều yếu tố như giá của chứng khoán cơ sở, mức độ biến động giá CKCS, thời gian còn hiệu lực của CW, lãi suất, cổ tức của CKCS trong đó, yếu tố quan trọng nhất chính là giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra giá của CW còn phụ thuộc vào yếu tố cung cầu của thị trường về CW. Mặc dù TCPH thường phát hành khối lượng CW theo khối lượng đã đăng ký với UBCK NN, tuy nhiên, TCPH vẫn có thể tăng khối lượng cung ứng CW thông qua Phương thức phát hành bổ sung CW miễn là hạn mức phát hành CW đó chưa vượt quá hạn mức phát hành tối đa theo quy định của UBCK NN. Việc phát hành thêm này có thể ảnh hưởng đến giá của CW.

2.4 Rủi ro từ tính đòn bẩy

Đầu tư vào CW chỉ liên quan đến sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở chứ không phải đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở, do đó nhà đầu tư được hưởng lợi từ tính chất đòn bẩy của CW khi có thể nhận được toàn bộ sự thay đổi giá của CKCS trong khi chỉ phải bỏ ra một phần chứ không phải toàn bộ giá của CKCS. Ngoài ra, tỷ lệ thay đổi giá của CW trên thị trường có thể lớn hơn tỷ lệ thay đổi giá của CKCS, vì vậy nhà đầu tư có thể lời nhiều hơn hoặc lỗ nhiều hơn so với việc đầu tư trực tiếp vào CKCS.

2.5 Rủi ro thanh khoản

Là rủi ro xảy ra khi nhà đầu tư không thể bán CW ở mức giá mong muốn do thị trường thiếu thanh khoản đối với CW đó. Thanh khoản của CW phụ thuộc vào cung cầu thị trường và hiệu quả hoạt động của tổ chức tạo lập thị trường. Mặc dù TCPH cam kết sẽ thực hiện các công tác tạo lập thị trường và cung cấp thanh khoản cho thị trường CW, TCPH không cam kết thị trường giao dịch của CW sẽ sôi động.

2.6 Rủi ro của chứng quyền kiểu châu Âu

CW kiểu châu Âu chỉ cho phép thực hiện quyền vào ngày đáo hạn. Do đó, giá của CW có thể được giao dịch bằng với mức giá đã được chiết khấu so với giá hợp lý ở thời điểm đáo hạn.

2.7 Chứng quyền đóng vai trò công cụ phòng ngừa rủi ro

Giá CW có thể thay đổi ngược với kỳ vọng của Nhà đầu tư sở hữu CW, do đó CW không đảm bảo sẽ luôn là một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả cho Nhà đầu tư sở hữu CW.

2.8 Không có quyền sở hữu tương tự cổ đông

Nhà đầu tư sở hữu CW không có quyền lợi tương tự cổ đông sở hữu chứng khoán cơ sở bao gồm nhưng không giới hạn quyền tham dự ĐHĐCĐ, nhận cổ tức, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, hoặc các quyền khác phát sinh từ chứng khoán cơ sở.

2.9 Rủi ro về thuế

Khi nắm giữ chứng quyền qua ngày đáo hạn và thực hiện quyền thì thuế thu nhập cá nhân mà nhà đầu tư phải chịu sẽ cao hơn so với thuế thu nhập cá nhân mà nhà đầu tư đóng khi giao dịch bán chứng quyền trước ngày đáo hạn theo Công văn 1468/BTC-CST (xem chi tiết tại mục V.8).

3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở

Một số sự kiện pháp lý xảy ra và phát sinh bao gồm và không giới hạn, phát hành quyền, phát hành cổ phiếu thường hoặc phân phối tiền bởi Công ty, chia nhỏ hoặc hợp nhất CKCS hoặc sự kiện tái cấu trúc ảnh hưởng tới Công ty, có thể dẫn đến việc chúng tôi phải điều chỉnh các điều khoản của Chứng quyền. Tuy nhiên, chúng tôi không có nghĩa vụ phải điều chỉnh các điều khoản và điều kiện của Chứng quyền cho mọi sự kiện liên quan tới CKCS. Bất kỳ sự điều chỉnh hoặc các quyết định không điều chỉnh nào đều sẽ có tác động tới giá trị của chứng quyền. Việc điều chỉnh CW sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật. Ngoài ra, một số sự kiện xảy ra (bao gồm chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch) dẫn đến việc chứng quyền bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch theo quy định của pháp luật.

4. Rủi ro về kinh tế

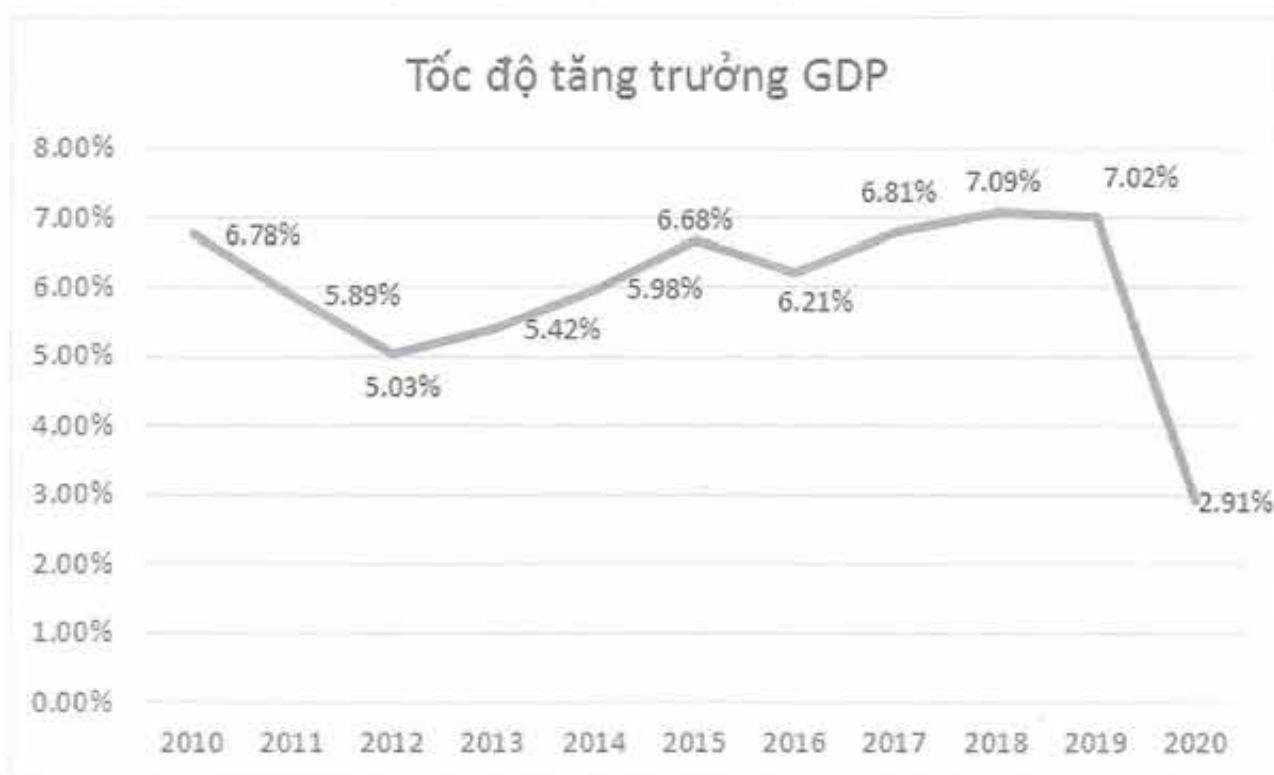
Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp. Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với sự biến động của các yếu tố từ môi trường kinh doanh. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh là *i) tốc độ tăng trưởng kinh tế; ii) tỷ lệ lạm phát và iii) tỷ lệ lãi suất*. Phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế nhằm dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh.

4.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Theo số liệu của Tổng cục thống kê (GSO), GDP năm 2020 tăng 2,91% (Quý I tăng 3,68%; quý II tăng 0,39%; quý III tăng 2,69%; quý IV tăng 4,48%), tuy là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2020 nhưng trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế – xã hội thì đây là thành công lớn của Việt Nam. Mức tăng trưởng năm 2020 của Việt Nam thuộc nhóm cao nhất thế giới.

Về triển vọng kinh tế vĩ mô Việt Nam năm 2021, Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) nhận định, bất chấp ảnh hưởng từ đại dịch COVID-19, tăng trưởng kinh tế Việt Nam vẫn có thể đạt mức 6,5% nhờ nền tảng vững vàng và những giải pháp quyết liệt cả về kinh tế và y tế của Chính phủ. GDP 6 tháng đầu năm 2021 tăng 5,64%, cao hơn tốc độ tăng 1,82% của 6 tháng đầu năm 2020 nhưng thấp hơn tốc độ tăng 7,05% và 6,77% của cùng kỳ năm 2018 và 2019. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,82%, đóng góp 8,17% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,36%, đóng góp 59,05%; khu vực dịch vụ tăng 3,96%, đóng góp 32,78%.

Hình 1: Tăng trưởng GDP qua các năm giai đoạn 2010 –2020



Nguồn: GSO

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán nên Công ty chịu ảnh hưởng bởi biến động của nền kinh tế. Trước những tác động khó lường của nền kinh tế, Công ty đã thực hiện xem xét một cách thận trọng trong việc lên chiến lược phát triển của mình trên cơ sở hạn chế tối đa những tác động tiêu cực đồng thời tận dụng lợi ích từ các chính sách ban hành, nhằm đảm bảo tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận mà Công ty đề ra.

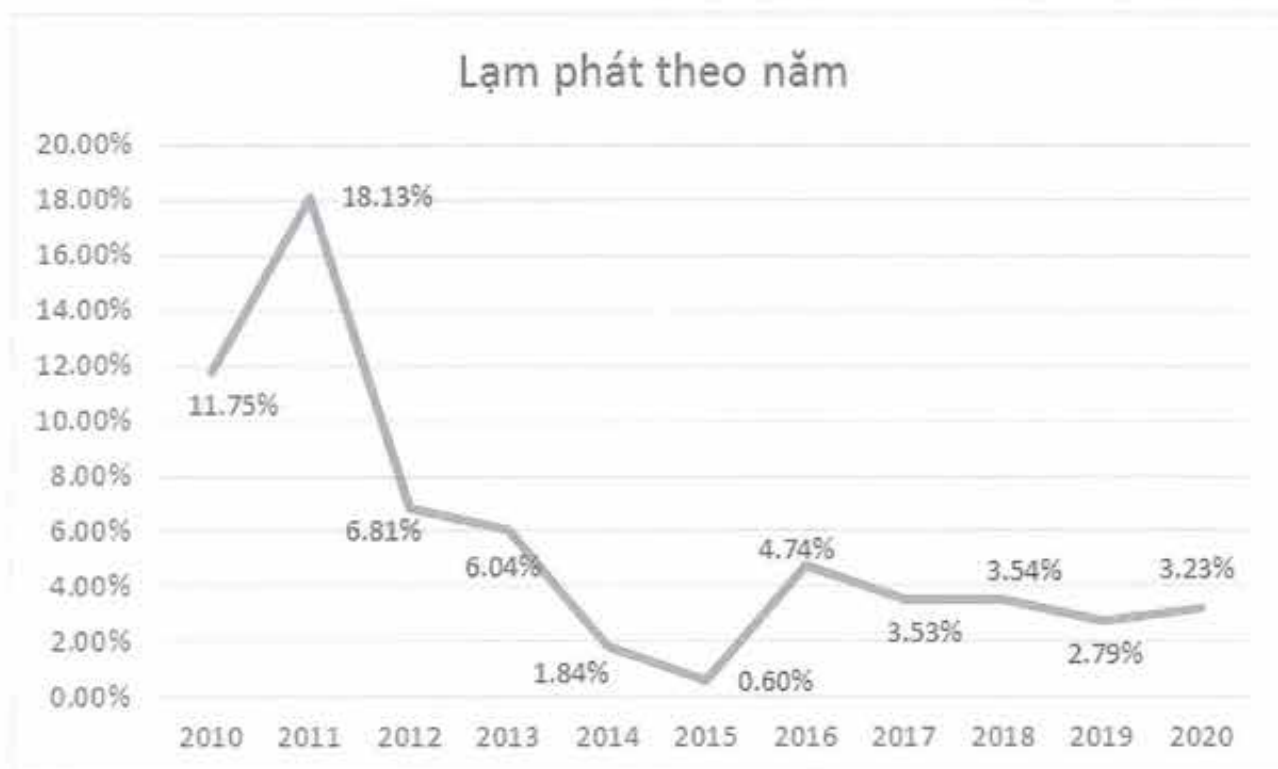
4.2 Lạm phát

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có thể tác động đến mọi chủ thể trong nền kinh tế, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Lạm phát tăng cao hoặc siêu lạm phát sẽ khiến giá nguyên vật liệu đầu vào và đầu ra biến động không ngừng, gây ra sự ổn định giả tạo của quá trình sản xuất và ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như tình hình tài chính của các doanh nghiệp. Ngược lại, nếu lạm phát quá thấp (1,8% năm 2014) kéo dài cộng thêm thâm hụt ngân sách liên tiếp có thể làm cho tăng trưởng kinh tế phục hồi chậm, thậm chí dễ dẫn đến trì trệ, tiêu thụ sản phẩm gặp khó khăn rất dễ dẫn tới suy thoái kinh tế.

Nhìn chung, mặt bằng giá năm 2020 tăng khá cao so với cùng kỳ năm trước, ngay từ tháng 01/2020 đã tăng 6,43%, ảnh hưởng đến công tác quản lý, điều hành giá của năm 2020, dẫn đến việc kiểm soát lạm phát theo mục tiêu dưới 4% Quốc hội đặt ra gặp nhiều khó khăn, thách thức. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo, điều hành sát sao của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự phối hợp của các Bộ, ngành, địa phương, mức tăng của CPI được kiểm soát dần qua từng tháng với xu hướng giảm dần. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với năm trước, đạt mục tiêu kiểm soát lạm phát, giữ CPI bình quân năm 2020 dưới 4% của Quốc Hội đề ra trong bối cảnh một năm với nhiều biến động khó lường. CPI tháng 12/2020 tăng 0,19% so với tháng 12/2019, là mức thấp nhất trong giai đoạn 2016-2020.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2021 tăng 0,19% so với tháng trước, tăng 1,62% so với tháng 12/2020 và tăng 2,41% so với tháng 6/2020. Bình quân 6 tháng đầu năm 2021, CPI tăng 1,47% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016; lạm phát cơ bản 6 tháng tăng 0,87%.

Hình 2: CPI theo năm giai đoạn 2010 – 2019



Nguồn: GSO

4.3 Lãi suất

Bên cạnh lạm phát, lãi suất có ý nghĩa quan trọng tác động tăng trưởng kinh tế mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật thường xuyên để hoạch định chiến lược đầu tư phù hợp. Đa số doanh nghiệp đều sử dụng vốn vay từ ngân hàng để bổ sung cho hoạt động kinh doanh. Lãi suất cho vay hình thành nên chi phí vốn và là chi phí đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh; có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Nếu lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại tăng sẽ khiến cho chi phí đầu vào và giá thành sản phẩm tăng lên, khiến lợi nhuận và khả năng cạnh tranh suy giảm, dẫn đến thua lỗ và thậm chí phá sản. Khi đó, các doanh nghiệp sẽ có xu hướng cắt giảm và thu hẹp quy mô hoạt động. Trong khi đó, cắt giảm lãi suất sẽ là động lực cho doanh nghiệp giảm chi phí và giá thành, đồng thời tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Hơn thế, lãi suất thấp là động lực cho các doanh nghiệp mở rộng đầu tư và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, kích thích tăng trưởng kinh tế vĩ mô.

5. Rủi ro về pháp luật

Rủi ro về pháp luật là rủi ro phát sinh từ việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Hoạt động kinh doanh của công ty bị chi phối chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán. Hiện nay, hệ thống pháp luật của Việt Nam vẫn chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên tính ổn định chưa cao, các quy định còn mới đối với doanh nghiệp và có thể phát sinh bất cập. Các sửa đổi, bổ sung được thay đổi khá thường xuyên, ít nhiều có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Chính vì vậy, để hạn chế tối đa rủi ro về pháp luật, Công ty luôn chú trọng cập nhật hệ thống pháp luật; nghiên cứu, phân tích và dự báo về sự thay đổi của pháp luật; đồng thời phối hợp với phòng Pháp chế triển khai tập huấn, phổ biến kiến thức pháp luật cho cán bộ công nhân viên Công ty.

6. Rủi ro về thị trường và thị trường ngừng giao dịch

Trong trường hợp giao dịch có liên quan kết thúc sớm, sự gián đoạn hay tạm ngừng giao dịch ("Các sự kiện gián đoạn thị trường") hoặc thay đổi luật áp dụng, ngăn ngừa rủi ro gián đoạn, tăng chi phí ngăn ngừa rủi ro, sự phá sản của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở hoặc một sự kiện tiền tệ ("Sự kiện gián đoạn bổ sung"), trì hoãn hoặc điều chỉnh định giá trong trường hợp xảy ra sự kiện gián đoạn thị trường hoặc điều chỉnh kỳ hạn (nếu có sự đồng ý với chủ sở hữu chứng quyền) hoặc chấm dứt chứng quyền trong trường hợp sự kiện gián đoạn bổ sung đối với các chứng quyền đó có thể có ảnh hưởng bất lợi đến giá trị của chứng quyền đó và/hoặc số tiền mua lại cuối cùng.

7. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, hoạt động của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của thiên tai như động đất, dịch bệnh, lũ lụt... mà khi xảy ra có thể gây thiệt hại đến tài sản cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất và con người cũng như tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

- Bà: Nguyễn Thanh Phương Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ông: Tô Hải Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Ông: Đinh Quang Hoàn Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
- Ông: Đoàn Minh Thiện Chức vụ: Kế toán trưởng
- Ông: Trương Ngọc Hoài Phương Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

Chúng tôi có thể cập nhật hoặc sửa đổi bản cáo bạch này trong quá trình phát hành chứng quyền để đảm bảo đúng các quy định được ban hành. Bất kỳ sự cập nhật bổ sung nào sẽ được công bố thông tin tại SGDCK.

2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, tổ chức tư vấn

Không có

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

Các khái niệm:

- **Chứng quyền có bảo đảm** (sau đây gọi tắt là chứng quyền, hoặc là CW) là hợp đồng giữa nhà đầu tư và tổ chức phát hành chứng quyền được định nghĩa theo khoản 6 Điều 4 của Luật Chứng khoán.
- **Chứng khoán cơ sở** là chứng khoán được sử dụng làm tài sản cơ sở của chứng quyền.
- **Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở** là tổ chức phát hành chứng khoán làm tài sản cơ sở của chứng quyền.
- **Tổ chức phát hành chứng quyền** (sau đây gọi tắt là tổ chức phát hành) là công ty chứng khoán phát hành chứng quyền.
- **Ngân hàng lưu ký** là ngân hàng thực hiện việc lưu ký, giám sát tài sản do tổ chức phát hành chứng quyền ký quỹ để bảo đảm thanh toán cho các chứng quyền đã phát hành và không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán.
- **Người sở hữu chứng quyền** là nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của tổ chức phát hành và không phải là tổ chức phát hành chứng quyền.
- **Chứng quyền kiểu châu Âu** là chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
- **Giá thực hiện** là mức giá mà người sở hữu chứng quyền có quyền mua (đối với chứng quyền mua) được tổ chức phát hành dùng để xác định khoản thanh toán cho người sở hữu chứng quyền.
- **Tỷ lệ chuyển đổi** là số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở.
- **Ngày đáo hạn** là ngày cuối cùng mà người sở hữu chứng quyền được thực hiện chứng quyền.
- **Chứng quyền đang lưu hành** là chứng quyền chưa đáo hạn và đang được nắm giữ bởi người sở hữu chứng quyền.
- **Chứng quyền chưa lưu hành** là chứng quyền đã phát hành nhưng chưa được sở hữu bởi nhà đầu tư. Chứng quyền chưa lưu hành được lưu ký trên tài khoản của tổ chức phát hành.
- **Chứng quyền có lãi (ITM)** là chứng quyền mua có giá thực hiện (chỉ số thực hiện) thấp hơn giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở.
- **Chứng quyền lỗ (OTM)** là chứng quyền mua có giá thực hiện cao hơn giá của chứng khoán cơ sở.
- **Chứng quyền hòa vốn (ATM)** là chứng quyền mua có giá thực hiện bằng giá của chứng khoán cơ sở.
- **Vị thế mở** chứng quyền của tổ chức phát hành bao gồm tất cả các chứng quyền đang lưu hành chưa được thực hiện.
- **Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết** là vị thế được tính toán căn cứ trên phương án phòng ngừa rủi ro đã được tổ chức phát hành nêu trong Bản cáo bạch.

- **Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế** là vị thế được tính toán căn cứ trên vị thế thực tế có trong tài khoản phòng ngừa rủi ro của tổ chức phát hành.
- **Giá thanh toán chứng quyền khi thực hiện quyền** là bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong năm (05) ngày giao dịch gần nhất, không bao gồm ngày đáo hạn.
- **Delta** là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi rất nhỏ trong giá chứng khoán cơ sở.

Công thức:

$$\text{Delta} = (\text{Mức độ thay đổi giá chứng quyền}) / (\text{Mức độ thay đổi giá chứng khoán cơ sở})$$

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

| | |
|----------------------|--|
| ▪ Bản cáo bạch | Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán |
| ▪ Cổ phiếu | Chứng chỉ do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt |
| ▪ Công ty | Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt |
| ▪ Công ty kiểm toán | Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam |
| ▪ Điều lệ | Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt thông qua |
| ▪ Luật Chứng Khoán | Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam |
| ▪ Luật Doanh Nghiệp | Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam |
| ▪ Người có liên quan | Là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây: Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty; Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty; Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp; Người quản lý doanh nghiệp; Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia; Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát; Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản |

lý công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;

Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.

| | |
|---------------------|--|
| ▪ Room nước ngoài | Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài |
| ▪ Tổ chức phát hành | Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt |
| ▪ VCSC | Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt |
| ▪ Vốn điều lệ | Là số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt |

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

| | |
|--------------|--|
| ▪ BCTC | Báo cáo tài chính |
| ▪ BKS | Ban Kiểm soát |
| ▪ CAGR | Tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm (Compound Annual Growth Rate) |
| ▪ CKCS | Chứng khoán cơ sở |
| ▪ CNTT / IT | Công nghệ thông tin |
| ▪ CP | Cổ phần |
| ▪ CPLH | Cổ phiếu lưu hành |
| ▪ Chỉ số P/E | Price/ Earnings: là chỉ số giá trị thị trường trên thu nhập của mỗi cổ phiếu |
| ▪ Chỉ số P/B | Price to Book: là tỷ lệ được sử dụng để so sánh giá của một cổ phiếu so với giá trị ghi sổ của cổ phiếu đó |
| ▪ CW | Covered Warrants |
| ▪ DMA | Truy nhập thị trường trực tiếp (Direct Market Access) |
| ▪ DNNN | Doanh nghiệp nhà nước |
| ▪ DTT | Doanh thu thuần |
| ▪ ĐHĐCĐ | Đại hội đồng cổ đông |
| ▪ ĐKKD | Đăng ký kinh doanh |
| ▪ EPS | Earnings Per Share: là lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu $EPS = (\text{Lợi nhuận ròng} - \text{Cổ tức cổ phiếu ưu đãi}) / \text{Lượng cổ phiếu bình quân đang lưu thông}$ |

| | |
|----------------|---|
| ▪ FDI | Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Foreign Direct Investment) |
| ▪ FIX | Chuẩn kết nối FIX (Financial Information eXchange) |
| ▪ GCN/ Giấy CN | Giấy chứng nhận |
| ▪ GDP | Tổng thu nhập quốc nội |
| ▪ GSO | Tổng Cục thống kê |
| ▪ GTSS | Giá trị sổ sách |
| ▪ HĐ | Hợp đồng |
| ▪ HĐQT | Hội đồng Quản trị |
| ▪ HNX | Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội |
| ▪ HSX | Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh |
| ▪ IB | Ngân hàng đầu tư (Investment Banking) |
| ▪ IPO | Chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng |
| ▪ ISB | Môi giới khách hàng tổ chức (Institutional Sales Brokerage) |
| ▪ KTT | Kế toán trưởng |
| ▪ LB | Môi giới trong nước (Local Brokerage) |
| ▪ LN | Lợi nhuận |
| ▪ LNST | Lợi nhuận sau thuế |
| ▪ LNTT | Lợi nhuận trước thuế |
| ▪ M&A | Mua bán & Sáp nhập (Merger & Acquisition) |
| ▪ NHNN | Ngân hàng nhà nước |
| ▪ NSH | Người sở hữu |
| ▪ OTC | Thị trường phi tập trung (Over the counter) |
| ▪ ROA | Hệ số LNST / Tổng tài sản bình quân |
| ▪ ROE | Tỷ lệ LNST / Vốn chủ sở hữu bình quân |
| ▪ STP | Cổng giao dịch trực tuyến (Straight-through Processing) |
| ▪ TCPH | Tổ chức phát hành |
| ▪ TNCN | (thuế) Thu nhập cá nhân |
| ▪ TNDN | (thuế) Thu nhập doanh nghiệp |

| | |
|-----------|---|
| ▪ TNH | Trách nhiệm hữu hạn |
| ▪ TPP | Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (Trans Pacific Partnership) |
| ▪ TSCĐ | Tài sản cố định |
| ▪ TSCS | Tài sản cơ sở |
| ▪ TTCK | Thị trường chứng khoán |
| ▪ UBCKNN | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |
| ▪ UBND | Ủy ban nhân dân |
| ▪ USD | Đô la Mỹ (U.S.Dollar) |
| ▪ VCAM | Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt |
| ▪ VĐL | Vốn điều lệ |
| ▪ Vốn CSH | Vốn chủ sở hữu |
| ▪ VND | Đồng Việt Nam |
| ▪ VSD | Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam |

IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

- GDP: GDP tăng trưởng ở mức 2,91% so với năm trước, là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011 - 2020 do dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới tất cả lĩnh vực kinh tế – xã hội. Tuy nhiên, so với thế giới thì đây là một kết quả đáng khích lệ của Việt Nam.
- Lạm phát: Lạm phát cơ bản bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với bình quân năm 2019, dưới mức trần đặt ra của chính phủ ở mức 4%. Dự kiến tới năm 2021, tỉ lệ lạm phát vẫn sẽ dưới mức 'trần' 4%, cụ thể vào khoảng 3%.
- FDI: Vốn FDI giải ngân tính đến trong năm 2020 đạt 20 tỷ USD, tuy nhiên tổng lượng vốn FDI đăng ký đạt 28,5 tỷ đô, giảm 25% so với năm 2019. Mức giảm trên chủ yếu là do các dự án M&A giảm 51,7% so với năm trước. Tuy nhiên, trong thời gian tới, khi ảnh hưởng của dịch Covid-19 được giảm thiểu, vốn FDI được kỳ vọng sẽ duy trì ổn định hơn, nhờ vào lợi thế cạnh tranh của Việt Nam như vị trí địa lý, tình hình chính trị, xã hội và vĩ mô ổn định, dân số lớn, chi phí lao động thấp, hội nhập toàn cầu sâu rộng nhờ một loạt các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) và căng thẳng thương mại trong thời gian qua giữa Mỹ và Trung Quốc.
- Thương mại: Thặng dư thương mại năm 2020 đạt mức cao kỷ lục ở mức 19,1 tỷ USD bất chấp tình hình dịch bệnh và rủi ro toàn cầu. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa năm 2020 ước tính đạt 543,9 tỷ USD (tăng 5,1% so với năm 2019; trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 281,5 tỷ USD (tăng 6,5% so với năm 2019), nhập khẩu hàng hóa đạt 262,4 tỷ USD (tăng 3,6% so với năm 2019).
- Tỷ giá ổn định: Tiền đồng so với USD dần lấy lại sức mạnh và đóng cửa năm 2020 ở mức 23.098 trên thị trường liên ngân hàng - tăng 0,3% so với cuối năm 2019. Sự tăng giá của VND so với USD được hỗ trợ bởi một số nhân tố như (1) thặng dư ở mức cao kỷ lục với 19 tỷ USD trong năm 2020 so với mức 10,9 tỷ đô năm 2019, (2) lượng FDI giải ngân cao ở mức 20 tỷ USD và (3) tăng dự trữ ngoại hối trong năm 2020, tương đương với 4,4 tháng nhập khẩu.

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

2.1 Triển vọng của thị trường chứng khoán Việt Nam

- Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2020 diễn ra đầy biến động, với khởi đầu không mấy thuận lợi khi đại dịch Covid-19 bắt đầu ảnh hưởng đến Việt Nam từ cuối tháng 1/2020. Hai tháng sau đó thị trường chứng khoán Việt Nam sụt giảm mạnh 33,5%, rơi xuống mức thấp nhất trong 3 năm trở lại.
- Tuy nhiên, thị trường đã có bước đảo chiều ngoạn mục trong vòng 9 tháng còn lại của năm 2020 nhờ những bước đi đúng đắn trong việc kiểm soát dịch bệnh của chính phủ. Tính tới cuối năm 2020, thị trường đạt được mức tăng trưởng mạnh mẽ kể từ đáy trong tháng 3/2020. Bên cạnh đó, năm 2020 cũng ghi nhận mức tăng kỷ lục về số nhà đầu tư mới tham gia thị trường, khiến giá trị khớp lệnh liên tục đạt 10.000 - 17.000 tỷ đồng/phiên trong tháng 12. Kết thúc năm 2020, VN-Index đạt 1.103,87 điểm, tăng gần 15% so với cuối năm 2019.
- Thị trường phái sinh trong năm 2020 cũng có những bước phát triển tích cực, trong đó hợp đồng tương lai VN30 có khối lượng giao dịch bình quân đạt hơn 163.000 hợp đồng/phiên, tăng

84,27% so với bình quân năm 2019. Số tài khoản phái sinh mở mới (70.000 tài khoản mới) trong năm đạt mức cao nhất từ khi hoạt động.

2.2 Cơ hội đầu tư ở Việt Nam

- Ngành tiêu dùng được quan tâm bởi đây là một trong những ngành có thể đem lại lợi nhuận bền vững cho các nhà đầu tư do mức độ thâm nhập tiêu thụ chung của Việt Nam còn đang ở mức thấp. Được hỗ trợ bởi thu nhập ngày càng tăng và sự lạc quan về tài chính trong tương lai, người tiêu dùng Việt Nam đang đẩy nhanh chi tiêu cho các mặt hàng tùy ý cũng như mua các sản phẩm cao cấp hơn. Do GDP / đầu người tiếp cận ngưỡng 3.000 USD, Việt Nam cũng nhìn thấy nhu cầu ngày càng tăng về ô tô và nhà ở cũng như các định dạng bán lẻ hiện đại. Người Việt Nam tiếp tục xếp hạng trong 5 quốc gia hàng đầu về chỉ số niềm tin tiêu dùng, theo Nielsen. Xu hướng vĩ mô hỗ trợ sự lạc quan của người tiêu dùng hiện nay đến từ mức lương tăng cao, lạm phát thấp, đồng tiền ổn định và giá trị bất động sản ổn định (vì nhiều người có tài sản gắn liền với bất động sản) trong vài năm qua.
- Việt Nam là một trong những thị trường bán lẻ hấp dẫn nhất trên thế giới. Theo Chỉ Số Phát Triển Bán Lẻ Toàn Cầu do A.T. Kearney công bố, Việt Nam đã đi từ một nước không được xếp hạng trong năm 2015 đến vị trí thứ 11 trong số những thị trường hấp dẫn nhất thế giới vào năm 2016 và vị trí thứ 6 vào năm 2017 do mức độ bão hòa thương mại hiện đại thấp. A.T. Kearney cũng liệt kê Việt Nam là một quốc gia mà các nhà bán lẻ có mức độ khẩn cấp cao khi thâm nhập vào thị trường, thúc đẩy bởi ngành bán lẻ đang phát triển rất nhanh. Việt Nam vừa đi ra từ giai đoạn bán lẻ mở đầu để bước những bước đi đầu tiên vào giai đoạn đỉnh, có nghĩa là người tiêu dùng Việt Nam hiện nay không chỉ muốn khám phá các thiết kế có tổ chức mà họ thực sự tìm kiếm các thiết kế có tổ chức. Điều này đã dẫn tới sự thành công của các nhà bán lẻ hiện đại trong các mặt hàng bền, như điện thoại di động, đồ điện tử tiêu dùng và đồ trang sức, và chúng ta bắt đầu thấy xu hướng tương tự trong kinh doanh tạp hóa. Sự chuyển dịch từ các cửa hàng nhỏ lẻ sang các chuỗi bán lẻ mang thương hiệu được chứng kiến rõ nhất trong hàng hoá lâu bền. Phân khúc thị trường cửa hàng tiện lợi đang bắt đầu chứng kiến sự gia tăng của các chuỗi bán lẻ hiện đại, đặc biệt là ở các mô hình nhỏ. Dòng vốn FDI đổ vào góp phần nạp nhiên liệu cho sự xuất hiện của các đô thị "thứ cấp", mở rộng thị trường địa phương cho các nhà bán lẻ hiện đại. Được nhận định chung là một mối đe dọa, thương mại điện tử trên thực tế có thể trở thành cơ hội cho các nhà bán lẻ truyền thống sử dụng mô hình trực tuyến/ không trực tuyến.
- Ngành ngân hàng cũng có tiến triển rất tốt do ngành này đang nổi lên từ vấn đề chất lượng tài sản từ năm 2012. Hiện tại, các ngân hàng đã trích trước hầu hết các tài sản của họ và sẽ không bị gánh nặng bởi chi phí dự phòng rất lớn trong những năm tới. Hơn nữa, có những dấu hiệu cho thấy chất lượng tài sản cơ bản của các ngân hàng có thể được cải thiện không chỉ vì bối cảnh kinh tế mạnh mẽ mà còn là quy định mới nhằm thúc đẩy quá trình khôi phục tài sản thế chấp sau các khoản nợ xấu. Mặc dù chúng tôi có những đề nghị về việc quy định mới này sẽ được thực hiện như thế nào trong thực tế, điều này chắc chắn là một bước đi đúng hướng dẫn đến thu nhập bất ngờ từ sự hồi phục. Ngoài ra, chúng tôi đang chứng kiến những dấu hiệu của sự bứt phá trong các dòng sản phẩm mới như bancassurance, thẻ tín dụng, thế chấp và ngân hàng kỹ thuật số. Các ngân hàng khu vực tư nhân dường như có vị thế tốt để hưởng lợi từ những gì cần chứng minh những câu chuyện tăng trưởng cơ cấu nhiều năm.
- Thị trường bất động sản ở Việt Nam vẫn tiếp tục tăng trưởng bền vững. Trong tương lai, một số điều kiện vĩ mô thuận lợi sẽ tiếp tục thúc đẩy thị trường, như lạm phát thấp và lãi suất thấp, điều này đã làm gia tăng niềm tin người mua nhà trong các năm qua. Tăng trưởng thu nhập

tăng và mạng lưới đường bộ và phương tiện vận tải đã được cải thiện đáng kể, giảm thời gian đi lại, do đó nhu cầu về nhà ở sẽ tăng lên khi Việt Nam được xem là một trong những nước tiêu dùng hàng đầu của châu Á về cơ sở hạ tầng. Việc giới thiệu dòng xe điện ngầm MRT đầu tiên trong một vài năm cũng dự kiến sẽ hỗ trợ thị trường nhà ở.


2.3 Cơ hội đầu tư vào chứng quyền có bảo đảm

- Thể hiện sự tin tưởng cao hơn đối với cổ phiếu bằng cách sử dụng chứng quyền để nâng tỷ lệ đòn bẩy.
- Hạn chế tối đa tổn thất bằng cách sử dụng chứng quyền mua.
- Tổn thất được giới hạn ở mức giá của chứng quyền.
- Là công cụ nợ, chúng có thể được sử dụng trong danh mục đầu tư trái phiếu để có được rủi ro và lợi tức giống chứng khoán.
- Chứng quyền có đảm bảo, nếu được sử dụng một cách thận trọng, có thể quản lý rủi ro tốt hơn so với giao dịch ký quỹ.
- Chứng quyền giúp chuyển giao trách nhiệm quản lý rủi ro cơ bản, delta, và biến động một cách hiệu quả đối với người phát hành chứng quyền.

V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm

1.1 Giới thiệu chung về tổ chức phát hành

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT**
- Tên Tiếng Anh: **VIET CAPITAL SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **VCSC**
- Trụ sở: Tầng 15, Tháp tài chính Bitexco, 2 Hải Triều, Quận 1, Tp.HCM
- Điện thoại: +84 (0)28 3914 3588
- Fax: +84 (0)28 3914 4531
- Website: www.vcsc.com.vn
- Giấy phép thành lập: Giấy phép thành lập số 68/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 06/11/2007, Giấy phép điều chỉnh số 52/GPĐC-UBCK ngày 12/07/2021
- Vốn điều lệ đăng ký: 3.330.000.000.000 đồng (Ba nghìn ba trăm ba mươi tỷ đồng)
- Vốn điều lệ thực góp: 3.330.000.000.000 đồng (Ba nghìn ba trăm ba mươi tỷ đồng)
- Logo: 
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Tô Hải, Tổng Giám đốc
- Số tài khoản: 119.10.0003.69732 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
- Ngành nghề kinh doanh:
 - Môi giới chứng khoán
 - Tự doanh chứng khoán
 - Tư vấn đầu tư chứng khoán
 - Bảo lãnh phát hành chứng khoán
 - Lưu ký chứng khoán

1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- Năm 2007** ▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC) được thành lập và chính thức hoạt động vào tháng 11/2007 với mức vốn điều lệ ban đầu là 360 tỷ đồng
- Năm 2008** ▪ Thành lập chi nhánh tại Hà Nội

- Năm 2009**
- VCSC được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) quyết định chấp thuận là thành viên đấu thầu trái phiếu
 - Chính thức đưa vào sử dụng hệ thống phần mềm lõi chứng khoán Tong Yang (nay là Lotte HPT Vietnam)
 - Tăng vốn điều lệ từ 360 tỷ đồng lên 378 tỷ đồng theo giấy phép số 276/UBCK-GP do UBCK Nhà nước cấp tháng 11/2009
- Năm 2010**
- Thuộc nhóm 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất 6 tháng cuối năm tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX)
 - Thuộc nhóm 10 công ty chứng khoán có thị phần giao dịch trái phiếu lớn nhất Quý 3 tại HNX
 - Thành lập phòng giao dịch Nguyễn Công Trứ
- Năm 2011**
- Vươn lên nhóm 6 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất HSX
 - Tạp chí Finance Asia vinh danh "Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất Việt Nam"
 - Tạp chí The Asset bình chọn "Công ty môi giới tốt nhất Việt Nam"
 - Tạp chí Alpha Southeast Asia vinh danh "Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất", "Công ty tư vấn tài chính doanh nghiệp quy mô vừa tốt nhất" tại Việt Nam
 - UBND Tp.HCM trao tặng giải thưởng "Doanh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu năm 2011"
- Năm 2012**
- Thuộc nhóm 5 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất trên HSX
 - Tạp chí Finance Asia bình chọn là "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam"
 - Tạp chí Alpha Southeast Asia công nhận, "Công ty tư vấn tài chính doanh nghiệp quy mô vừa tốt nhất", "Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất" và "Nhà môi giới tổ chức tốt nhất", là công ty duy nhất nhận đồng thời 3 giải thưởng trên tại Việt Nam
 - Tăng vốn điều lệ lên 398,4 tỷ đồng theo giấy phép số 122/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp
- Năm 2013**
- Chuyển dịch cân bằng, hoàn thiện các mảng hoạt động kinh doanh
 - Vươn lên vị trí 3 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất trên HSX
 - Tạp chí Finance Asia vinh danh "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam" và "Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất" tại Việt Nam

- Tạp chí Alpha Southeast Asia công nhận "Nhà môi giới tổ chức tốt nhất", "Công ty tư vấn tài chính doanh nghiệp quy mô vừa tốt nhất", "Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất Việt Nam"
- Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn là "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2009-2013"
- Năm 2014**
 - Đột phá trong kết quả hoạt động, với tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) vượt ngưỡng mục tiêu 25%
 - Thuộc Top 3 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất HSX
 - Tạp chí Alpha Southeast Asia vinh danh "Nhà môi giới tổ chức tốt nhất Việt Nam"
 - Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn là "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2003-2014"
 - Tăng vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng theo giấy phép số 20/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp vào tháng 9/2014
- Năm 2015**
 - Cùng cố nguồn lực, duy trì sức mạnh nội tại với tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu đạt trên 30%
 - Tạp chí Euromoney bình chọn "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam"
 - Tạp chí Finance Asia vinh danh "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam"
 - Tạp chí Alpha Southeast Asia bình chọn "Công ty tư vấn tài chính quy mô vừa tốt nhất Việt Nam"
 - HNX bình chọn là "Một trong ba công ty chứng khoán có dịch vụ tư vấn tốt nhất giai đoạn 2005-2015"
 - Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn là "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2014-2015"
 - Giữ vững vị thế Top 3 công ty chứng khoán có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất trên HSX
- Năm 2016**
 - Giữ vững top 3 thị phần môi giới, trong đó đứng đầu về thị phần môi giới tổ chức
 - Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn là "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2011-2016"
 - Tạp chí Finance Asia bình chọn "Nhà tư vấn phát hành cổ phiếu tốt nhất Việt Nam" và "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam"
 - Tạp chí Alpha Southeast Asia trao giải "Nhà huy động vốn tốt nhất Việt Nam giai đoạn 2007-2016"
 - Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn là "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất Việt Nam"
 - Tăng vốn điều lệ lên 1.032 tỷ đồng theo giấy phép số 47/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp vào tháng 12/2016

- Năm 2017**
 - Giữ vững top 3 thị phần môi giới, trong đó đứng đầu về thị phần môi giới tổ chức, đẩy mạnh dịch vụ tư vấn
 - Tạp chí Finance Asia bình chọn "Nhà tư vấn phát hành cổ phiếu tốt nhất Việt Nam, "Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam" và "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam"
 - Tạp chí Alpha Southeast Asia trao giải "Ngân hàng đầu tư và tư vấn sáp nhập tốt nhất Việt Nam"
 - Diễn đàn M&A Việt Nam bình chọn là "Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất Việt Nam"
 - Tăng vốn điều lệ lên 1.200 tỷ đồng theo giấy phép số 35/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp vào tháng 8/2017

- Năm 2018**
 - Giữ vững top 3 thị phần môi giới, trong đó đứng đầu về thị phần môi giới tổ chức, đẩy mạnh dịch vụ tư vấn
 - Tạp chí Finance Asia bình chọn "Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam"
 - Tăng vốn điều lệ lên 1.629 tỷ đồng theo giấy phép số 76/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp vào tháng 9/2018

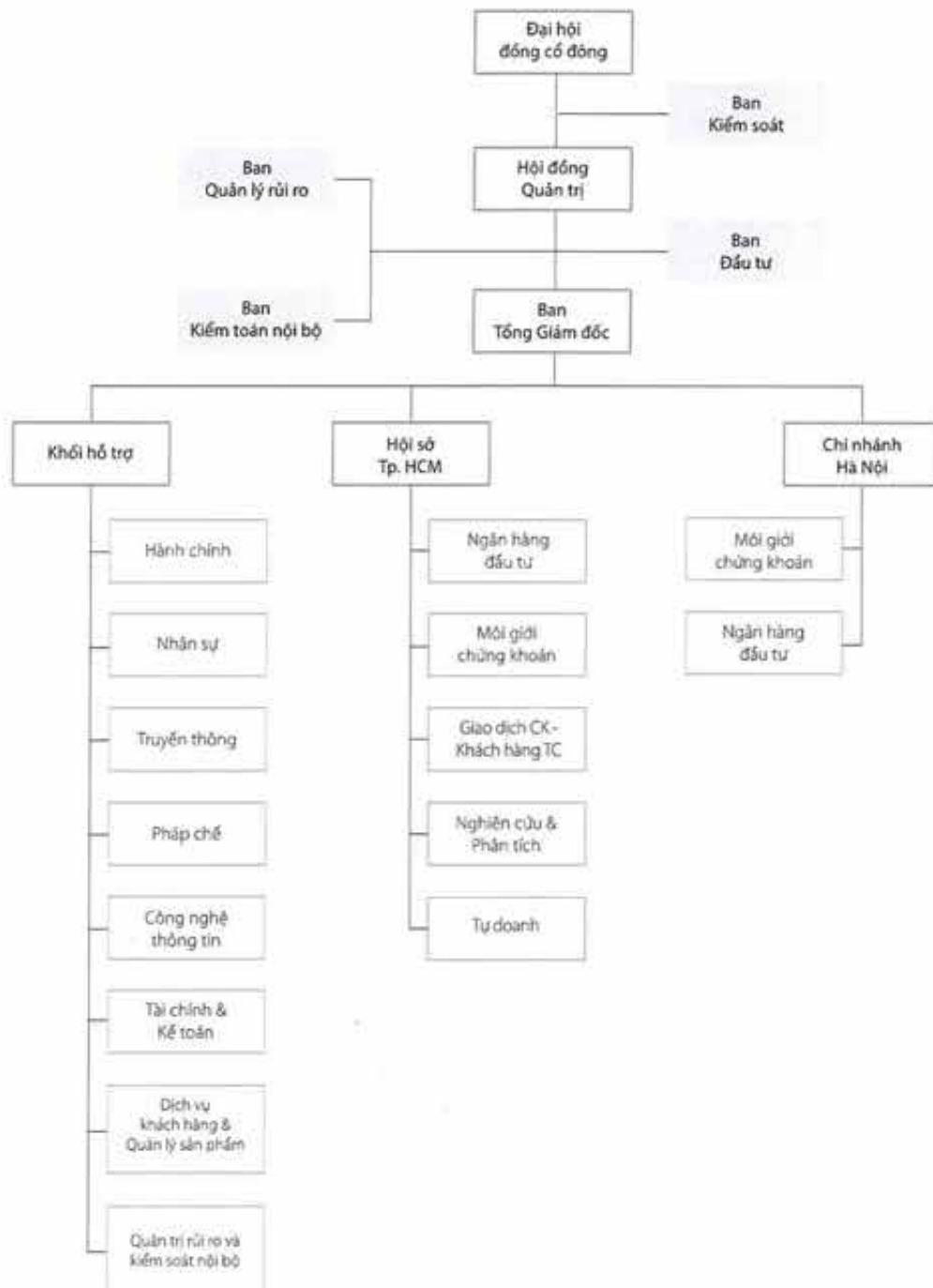
- Năm 2019**
 - Giữ vững top 3 thị phần môi giới, trong đó đứng đầu về thị phần môi giới tổ chức, đẩy mạnh dịch vụ tư vấn
 - Tăng vốn điều lệ lên 1.644 tỷ đồng theo giấy phép số 53/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp vào tháng 9/2019

- Năm 2020**
 - Top 5 thị phần môi giới, trong đó đứng đầu về thị phần môi giới tổ chức. Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, các hoạt động huy động vốn, M&A xuyên quốc gia bị ngưng trệ, dẫn tới việc quy mô cũng như giá trị của các giao dịch giảm nhiều so với năm 2019. Tuy nhiên, VCSC vẫn thành công trong việc tư vấn hàng loạt các thương vụ trong nước.
 - Tăng vốn điều lệ lên 1.656 tỷ đồng theo giấy phép số 65/GPĐC-UBCK do UBCK Nhà nước cấp vào tháng 10/2020

1.3 Cơ cấu tổ chức của Công ty

Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty được trình bày trong sơ đồ dưới đây:

Hình 3: Sơ đồ tổ chức Công ty



Tổ chức và hoạt động của Công ty được dựa trên những văn bản pháp lý sau đây:

- Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán;
- Điều Lệ của Công ty; và
- Những văn bản pháp lý khác liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

a. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông bao gồm:

- Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định mức chi trả cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- Quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Điều lệ này;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
- Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế khác của Công ty.

b. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty. Hội đồng Quản trị VCSC gồm có 06 (sáu) thành viên với nhiệm kỳ 05 (năm). Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- Quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã phát hành của từng loại trong mỗi mười hai (12) tháng; quyết định phương án chào bán, chia thưởng cổ phiếu quỹ theo những cách thức phù hợp với quy định của pháp luật;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ công ty;

- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng của Công ty, quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đại diện theo ủy quyền;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý của Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị lên Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị mức trả cổ tức, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- Thiết lập một quy trình chuẩn về triệu tập họp, bỏ phiếu và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị để Đại hội đồng cổ đông thông qua; trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị; xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và quy trình thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị với Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc; xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác;
- Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát rủi ro;
- Giải quyết xung đột trong Công ty: Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông và Công ty. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này;
- Phê chuẩn các giao dịch nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính do Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc đệ trình (nếu có);
- Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế khác của Công ty.

c. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát của VCSC có ba (03) thành viên; nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là năm (05) năm. Nhiệm vụ của Ban Kiểm soát:

- Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các nhiệm vụ của mình;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị; trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty;
- Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty;
- Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế khác của Công ty.

d. Ban Tổng Giám đốc

Thành phần Ban tổng giám đốc của Công ty gồm có: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác của Công ty.

Thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị thuê hoặc bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của các thành viên Ban Tổng Giám đốc khác là năm (05) năm.

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc cụ thể như sau:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng Quản trị;
- Tổ chức thực hiện quyết định của Hội đồng Quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, kiến nghị hoặc ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh phải được Hội đồng Quản trị phê duyệt;
- Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng Quản trị;
- Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Tuyển dụng lao động;
- Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại hợp đồng lao động mà Tổng Giám đốc ký với Công ty theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

e. Ban đầu tư

Ban Đầu tư phê duyệt các giao dịch và hạn mức đầu tư. Ban Đầu tư bao gồm các thành viên: Chủ tịch HĐQT / Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

f. Ban quản lý rủi ro

Ban quản lý rủi ro được thiết lập nhằm đảm bảo khả năng xác định rủi ro, theo dõi rủi ro, báo cáo rủi ro và xử lý một cách hiệu quả các rủi ro trọng yếu đồng thời đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ tuân thủ theo quy định.

g. Ban Kiểm toán nội bộ

Kiểm soát nội bộ giám sát và kiểm tra hoạt động của các bộ phận nhằm:

- Đảm bảo hoạt động đạt hiệu quả cao trong kinh doanh và tuân thủ nghiêm túc mọi quy định liên quan của pháp luật và các quy định, quy chế và quy trình nghiệp vụ của công ty;
- Ngăn ngừa những hiện tượng vi phạm hoặc không tuân thủ pháp luật, quy định, quy chế và quy trình nghiệp vụ của công ty dẫn đến rủi ro trong hoạt động;
- Bảo vệ an toàn tài sản và uy tín của công ty;
- Kiến nghị với Ban giám đốc Công ty trong việc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các quy chế và quy trình nghiệp vụ nhằm tăng cường biện pháp đảm bảo an toàn tài sản, giảm thiểu rủi ro và tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh.

1.4 Danh sách cổ đông

a. Cơ cấu cổ đông hiện tại

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông của Công ty

| STT | Cổ đông | Số lượng | Số CP sở hữu | Giá trị (theo mệnh giá) (đồng) | Tỷ lệ %VĐL |
|------------|---------------------------|--------------|--------------------|--------------------------------|-------------|
| I | Cổ đông trong nước | | | | |
| | Tổ chức | 49 | 6.069.094 | 60.690.940.000 | 1.82% |
| | Cá nhân | 5.645 | 255.272.586 | 2.552.725.860.000 | 76.67% |
| II | Cổ đông nước ngoài | | | | |
| | Tổ chức | 67 | 68.678.370 | 686.783.700.000 | 20.62% |
| | Cá nhân | 135 | 2.979.950 | 29.799.500.000 | 0.89% |
| III | Cổ phiếu quỹ | | | | |
| | Tổng cộng | 5.896 | 333.000.000 | 3.330.000.000.000 | 100% |

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 21/06/2021

b. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

| TT | Họ và tên | Số GCNDKKD/ CMND | Địa chỉ | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ % / vốn điều lệ thực góp |
|----|----------------------------|---------------------|---|---------------------|--------------------------------------|
| 1 | Tô Hải | 034073008380 | 21B/3 Nguyễn Đình Chiểu, P.Đa Kao, Q.1, Tp.HCM | 75.419.766 | 22.65% |
| 2 | Trương Nguyễn Thiên Kim | 68176000014 | 21B/3 Nguyễn Đình Chiểu, F.Đa Kao, Q.1, Tp.HCM | 17.568.256 | 5.28% |

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 21/06/2021

c. Danh sách người có liên quan của Công ty

| STT | Họ tên | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Số CMND/HC/ĐKK D | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ |
|----------|----------------------------------|---|------------------------|-------------------------------------|--|
| 1 | Nguyễn Thanh Phương | Chủ tịch HĐQT | 091180000104 | 13.500.000 | 4.05% |
| 1.01 | Nguyễn Hoàng Bảo | Chồng | 079073000764 | 0 | 0.00% |
| 1.02 | Nguyễn Bảo Hoàng Mi | Con | C8618899 | 0 | 0.00% |
| 1.03 | Nguyễn Bảo Hoàng Mai | Con | C8918899 | 0 | 0.00% |
| 1.04 | Nguyễn Tấn Dũng | Cha | 096049000018 | 0 | 0.00% |
| 1.05 | Trần Thanh Kiệt | Mẹ | 093154000023 | 0 | 0.00% |
| 1.06 | Nguyễn Thanh Nghị | Anh ruột | 370883743 | 0 | 0.00% |
| 1.07 | Phan Diệu Linh | Chị dâu | 012059828 | 0 | 0.00% |
| 1.08 | Nguyễn Minh Triết | Em ruột | 024241095 | 0 | 0.00% |
| 1.09 | Đông Thanh Vi | Em dâu | 291105014 | 0 | 0.00% |
| 1.10 | CTCP QLQ Đầu tư CK Bản Việt | Tổ chức có liên quan | 08/UBCK-GPHĐ | 0 | 0.00% |
| 1.11 | Ngân hàng TMCP Bản Việt | Tổ chức có liên quan | 0025/NH-GP | 0 | 0.00% |
| 1.12 | Công ty CP Bất Động Sản Bản Việt | Tổ chức có liên quan | 0305051312 | 0 | 0.00% |
| 2 | Nguyễn Hoàng Bảo | Thành viên HĐQT | 079073000764 | 0 | 0.00% |
| 2.01 | Nguyễn Thanh Phương | Vợ | 91180000104 | 13.500.000 | 4.05% |
| 2.02 | Nguyễn Bảo Hoàng Mai | Con gái | C8918899 | 0 | 0.00% |
| 2.03 | Nguyễn Bảo Hoàng Mi | Con gái | C8618899 | 0 | 0.00% |
| 2.04 | Nguyễn Huy Bảo | Anh trai | 503936753 | 0 | 0.00% |
| 2.05 | Linh Nguyen O'Connor | Chị gái | 574623259 | 0 | 0.00% |
| 2.06 | Thy Nguyen Huskey | Chị gái | 658008988 | 0 | 0.00% |

| STT | Họ tên | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Số CMND/HC/ĐKKD | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ |
|----------|--|---|---------------------|----------------------------|-------------------------------|
| 2.07 | Công ty Cổ phần Good Day Hospitality | Tổ chức có liên quan | 0311770812 | 0 | 0.00% |
| 2.08 | Công ty TNHH Phoenix Holdings | Tổ chức có liên quan | 0313478179 | 0 | 0.00% |
| 2.09 | Công ty Cổ phần Lifestyle Management Project | Tổ chức có liên quan | 0313193007 | 0 | 0.00% |
| 2.10 | Công ty Cổ phần Bất động sản Bảo Việt | Tổ chức có liên quan | 0305051312 | 0 | 0.00% |
| 2.11 | Công ty Cổ phần quản lý quỹ đầu tư Bảo Việt | Tổ chức có liên quan | 0304524894 | 0 | 0.00% |
| 2.12 | Công ty Cổ phần Bóng rổ Việt Nam | Tổ chức có liên quan | 0314028831 | 0 | 0.00% |
| 2.13 | Liên đoàn Bóng rổ Việt Nam | Tổ chức có liên quan | | 0 | 0.00% |
| 3 | Nguyễn Việt Hòa | Thành viên HĐQT | 024757326 | 0 | 0.00% |
| 3.01 | Lê Thị Độ | Mẹ | 220010793 | 0 | 0.00% |
| 3.02 | Nguyễn Văn Thám | Bố | 023969216 | 0 | 0.00% |
| 3.03 | Nguyễn Quốc Thái | Em | 024672523 | 0 | 0.00% |
| 3.04 | Phạm Nhật Quang | Chồng | 001070016736 | 0 | 0.00% |
| 3.05 | Phạm Việt Dũng | Con | 079203007231 | 0 | 0.00% |
| 3.06 | Phạm Anh Thư | Con | | 0 | 0.00% |
| 3.07 | Nguyễn Thị Hợi | Mẹ chồng | 001146002413 | 0 | 0.00% |
| 3.08 | Vũ Thị Thanh Hiền | Em dâu | 066182000121 | 0 | 0.00% |
| 3.09 | Phạm Hoài Thanh | Anh chồng | 023629058 | 0 | 0.00% |
| 3.10 | Nguyễn Thị Thu Trang | Chị bạn dâu | 022211402 | 0 | 0.00% |
| 3.11 | Phạm Tuấn Minh | Em chồng | 001073013028 | 0 | 0.00% |
| 3.12 | Nguyễn Ngọc Minh Trúc | Em bạn dâu | 023162403 | 0 | 0.00% |
| 3.13 | Công ty cổ phần Bến Thành – Mũi Né | Tổ chức có liên quan | 3400383497 | 0 | 0.00% |
| 4 | Trần Quyết Thắng | Thành viên HĐQT | 001062020489 | 540.000 | 0.16% |
| 4.01 | Nguyễn Thu Phương | Vợ | 023324444 | 0 | 0.00% |
| 4.02 | Trần Phương Ngọc | Con | 024512098 | 0 | 0.00% |
| 4.03 | Trần Ngọc Minh | Con | 024749284 | 0 | 0.00% |
| 4.04 | Công ty CP Phát triển & Tài trợ Địa ốc R.C | Tổ chức có liên quan | 0302868064 | 0 | 0.00% |
| 5 | Nguyễn Lân Trung Anh | Thành viên HĐQT | 012517076 | 0 | 0.00% |
| 5.01 | Nguyễn Lân Trung | Cha | 010610831 | 0 | 0.00% |
| 5.02 | Đặng Bích Nga | Mẹ | 010124297 | 0 | 0.00% |
| 5.03 | Nguyễn Ngọc Lưu Ly | Chị ruột | 011994583 | 0 | 0.00% |

| STT | Họ tên | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Số CMND/HC/ĐKK D | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ |
|----------|---------------------------------------|---|------------------------|-------------------------------------|--|
| 5.04 | Trần Ngọc Minh | Anh rể | 001081000261 | 0 | 0.00% |
| 5.05 | Trần Thị Kim Hà | Vợ | 225407236 | 0 | 0.00% |
| 5.06 | Nguyễn Hà Trang | Con | | 0 | 0.00% |
| 5.07 | Trần Văn Hải | Bố vợ | 220872406 | 0 | 0.00% |
| 5.08 | Phan Thị Tuyết Hằng | Mẹ vợ | 220642595 | 0 | 0.00% |
| 5.09 | Trần Văn Hào | Em vợ | 225485397 | 0 | 0.00% |
| 5.10 | Trần Thị Kim Hiền | Em vợ | 225750188 | 0 | 0.00% |
| 5.11 | Công ty TNHH Phoenix Holdings | Tổ chức có liên quan | 0314857074 | 0 | 0.00% |
| 5.12 | Công ty TNHH XL Entertainment | Tổ chức có liên quan | 0312061167 | 0 | 0.00% |
| 5.13 | Công ty TNHH Dịch vụ Giáo dục Everest | Tổ chức có liên quan | 0312061167 | 0 | 0.00% |
| 5.14 | Công ty TNHH Phoneix Clean Power | Tổ chức có liên quan | 0314857074 | 0 | 0.00% |
| 5.15 | Công ty TNHH Thương Mại MaxToTo | Tổ chức có liên quan | 0313662770 | 0 | 0.00% |
| 5.16 | Công ty cổ phần Tài chính Tín Việt | Tổ chức có liên quan | 0102766770 | 0 | 0.00% |
| 5.17 | Công ty TNHH Firebird Investment | Tổ chức có liên quan | 0315380450 | 0 | 0.00% |
| 6 | Lê Phạm Ngọc Phương | Thành viên HĐQT | 023012330 | 0 | 0.00% |
| 6.01 | Đoàn Thị Kim Nhung | Vợ | 023310266 | 0 | 0.00% |
| 6.02 | Lê Văn Nam | Cha ruột | 079053003131 | 0 | 0.00% |
| 6.03 | Phạm Bích Kim | Mẹ ruột | 020941232 | 0 | 0.00% |
| 6.04 | Đoàn Long | Cha vợ | 023005950 | 0 | 0.00% |
| 6.05 | Lê Phạm Huy Cường | Em ruột | 023639612 | 0 | 0.00% |
| 6.06 | Lê Phương Anh | Em dâu | 038188010737 | 0 | 0.00% |
| 6.07 | Lê Đoàn Phúc Bảo | Con | | 0 | 0.00% |
| 6.08 | Lê Đoàn Phúc Khang | Con | | 0 | 0.00% |
| 6.09 | Công Ty cổ phần Capella D1 | Tổ chức có liên quan | 0311936673 | 0 | 0.00% |
| 6.10 | Công ty cổ phần Lothamilk | Tổ chức có liên quan | 3600361211 | 0 | 0.00% |
| 7 | Tô Hải | Thành viên HĐQT | 034073008380 | 75.419.766 | 22.65% |
| 7.01 | Trương Nguyễn Thiên Kim | Vợ | 068176000014 | 17.568.256 | 5.28% |
| 7.02 | Tô Hồng Hà | Em ruột | 034076005064 | 55.240 | 0.02% |
| 7.03 | Lê Kim Phương | Em dâu | 023733052 | 0 | 0.00% |
| 7.04 | Trần Thị Lan | Mẹ ruột | 035151000112 | 1.755.000 | 0.53% |
| 7.05 | Tô Hữu Định | Cha ruột | 034047000908 | 0 | 0.00% |

| STT | Họ tên | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Số CMND/HC/ĐKK D | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ |
|-----------|------------------------------------|---|------------------------|-------------------------------------|--|
| 7.06 | Tô Thị Lan Hương | Chị ruột | 034172005081 | 0 | 0.00% |
| 7.07 | Phạm Nguyên Vũ | Anh rể | 079072002592 | 0 | 0.00% |
| 7.08 | Nguyễn Thị Thê | Mẹ vợ | 025726104 | 0 | 0.00% |
| 7.09 | Tô Lâm | Con ruột | | 0 | 0.00% |
| 7.10 | Tô An | Con ruột | | 0 | 0.00% |
| 7.11 | Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Sữa IDP | Tổ chức có liên quan | 0302000974 | 0 | 0.00% |
| 8 | Đình Quang Hoàn | Phó Tổng Giám Đốc | 025004907 | 3.919.950 | 1.18% |
| 8.01 | Đình Quang Tập | Cha | 250412033 | 0 | 0.00% |
| 8.02 | Nguyễn Thị Hánh | Mẹ | 250349290 | 0 | 0.00% |
| 8.03 | Đình Quang Hợp | Anh trai | 250376396 | 0 | 0.00% |
| 8.04 | Lâm Thị Tố Nga | Vợ | 22946716 | 0 | 0.00% |
| 8.05 | Đình Quang Khải | Con trai | 0792040023982 | 0 | 0.00% |
| 8.06 | Đình Quang Minh | Con trai | | 0 | 0.00% |
| 8.07 | Lâm Bình Lễ | Ba vợ | 020205599 | 0 | 0.00% |
| 8.08 | Lê Minh Tâm | Chị dâu | 250510847 | 0 | 0.00% |
| 8.09 | Công ty Cổ phần Lothamilk | | 3600361211 | 0 | 0.00% |
| 8.10 | Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Sữa IDP | Tổ chức có liên quan | 0302000974 | 0 | 0.00% |
| 9 | Nguyễn Quang Bào | Phó Tổng Giám Đốc | 001075010479 | 2.126.400 | 0.64% |
| 9.01 | Ngô Thị Phúc | Mẹ đẻ | 010108108 | 0 | 0.00% |
| 9.02 | Lê Đỗ Tập | Bố vợ | 013027553 | 0 | 0.00% |
| 9.03 | Nguyễn Thị Kim Thoa | Mẹ vợ | 013027554 | 0 | 0.00% |
| 9.04 | Lê Thị Đỗ Quyên | Vợ | 12908533 | 0 | 0.00% |
| 9.05 | Nguyễn Ngọc Mai | Con | 001199024343 | 0 | 0.00% |
| 9.06 | Nguyễn Quỳnh Anh | Con | | 0 | 0.00% |
| 9.07 | Nguyễn Quang Tuấn | Anh trai | 001066008329 | 0 | 0.00% |
| 9.08 | Lương Thị Tuyết | Chị dâu | 011622718 | 0 | 0.00% |
| 9.09 | Nguyễn Quang Đông | Em trai | N1424333 | 0 | 0.00% |
| 9.10 | Trần Thị Lương Khánh | Em dâu | N1543378 | 0 | 0.00% |
| 10 | Trương Ngọc Hoài Phương | Trưởng BKS | 024326821 | 0 | 0.00% |
| 10.01 | Trương Phát Mạnh | Cha ruột | 021879986 | 0 | 0.00% |
| 10.02 | Nguyễn Thị Hoàng | Mẹ ruột | 022073954 | 0 | 0.00% |
| 10.03 | Công ty Cổ phần Lothamilk | Tổ chức có liên quan | 3600361211 | 0 | 0.00% |
| 10.04 | Công CP Sữa Quốc tế (IDP) | Tổ chức có liên quan | 0500463609 | 0 | 0.00% |

| STT | Họ tên | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Số CMND/HC/ĐKK D | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ |
|-----------|----------------------------------|---|------------------------|-------------------------------------|--|
| 11 | Bùi Thị Minh Nguyệt | Thành viên BKS | 025149283 | 0 | 0.00% |
| 11.01 | Nguyễn Minh Tuấn | Chồng | 025502838 | 0 | 0.00% |
| 11.02 | Nguyễn Bùi Thanh Mai | Con | | 0 | 0.00% |
| 11.03 | Nguyễn Bùi Tuấn Minh | Con | | 0 | 0.00% |
| 11.04 | Nguyễn Thị Lạc | Mẹ ruột | 300408202 | 0 | 0.00% |
| 11.05 | Bùi Công Đệ | Em ruột | 300962366 | 0 | 0.00% |
| 11.06 | Trần Thị Lâm Xuyên | Em dâu | 300993574 | 0 | 0.00% |
| 11.07 | Bùi Thị Bích Nguyên | Em ruột | 080183000785 | 0 | 0.00% |
| 11.08 | Nguyễn Văn Dũng | Em rể | 02555959371 | 0 | 0.00% |
| 11.09 | Bùi Minh Thông | Em ruột | 301254808 | 0 | 0.00% |
| 11.10 | Phạm Thanh Nguyên | Em dâu | 301255491 | 0 | 0.00% |
| 11.11 | Bùi Thị Bích Phương | Em ruột | 301300834 | 0 | 0.00% |
| 11.12 | Nguyễn Thị Hồng Tư | Mẹ chồng | 370008413 | 0 | 0.00% |
| 11.13 | Công ty TNHH Phoenix Holdings | Tổ chức có liên quan | 0313478179 | 0 | 0.00% |
| 12 | Trương Thị Huyền Trang | Thành viên BKS | 261151176 | 0 | 0.00% |
| 12.01 | Trương Trọng Phương | Bố | 260530397 | 0 | 0.00% |
| 12.02 | Nguyễn Thị Kim Cúc | Mẹ | 260859445 | 0 | 0.00% |
| 12.03 | Trương Thị Lệ Quyên | Chị gái | 260964514 | 0 | 0.00% |
| 12.04 | Phạm Đức Hoài | Anh rể | 011878693 | 0 | 0.00% |
| 12.05 | Trương Hoàng Bảo Thi | Em gái | 261523936 | 0 | 0.00% |
| 12.06 | Công ty CP Bất Động Sản Bảo Việt | Tổ chức có liên quan | 0305051312 | 0 | 0.00% |
| 13 | Đoàn Minh Thiện | Kế toán trưởng | 25332121 | 190.000 | 0.06% |
| 13.01 | Đoàn Don | Cha | 190612343 | 0 | 0.00% |
| 13.02 | Hồ Thị Việt | Mẹ | 190612374 | 0 | 0.00% |
| 13.03 | Nguyễn Thị Ái Phương | Vợ | 025156785 | 0 | 0.00% |
| 13.04 | Đoàn Thiện nghĩa | Con | | 0 | 0.00% |
| 13.05 | Đoàn Nguyễn Thiện Nhân | Con | | 0 | 0.00% |
| 13.06 | Đoàn Thiên Long | Con | | 0 | 0.00% |
| 13.07 | Đoàn Thị Ngọc Quý | Em ruột | 025282127 | 0 | 0.00% |
| 13.08 | Đoàn Quang Trường | Em ruột | 025282111 | 0 | 0.00% |
| 13.09 | Đoàn Thị Ngọc Xuân | Em ruột | 191749690 | 0 | 0.00% |
| 13.10 | Nguyễn Văn Minh Trí | Em rể | | 0 | 0.00% |
| 13.11 | Võ Chánh | Em rể | 191483317 | 0 | 0.00% |
| 13.12 | Phan Lê Hoài Anh | Em dâu | 191603806 | 0 | 0.00% |

| STT | Họ tên | Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ | Số CMND/HC/ĐKKD | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ |
|-----------|---------------------------|---|--------------------|----------------------------|-------------------------------|
| 14 | Bùi Vũ Hoàng Tuyên | Luật sư trưởng | 79087012762 | 36.140 | 0.01% |
| 14.01 | Bùi Xuân Từ | Cha ruột | 21607189 | 0 | 0.00% |
| 14.02 | Vũ Thị Kim Phượng | Mẹ ruột | 21078319 | 0 | 0.00% |
| 14.03 | Đình Hải Anh | Vợ | 24167855 | 0 | 0.00% |
| 14.04 | Đình Đức Ninh | Cha vợ | 30059001030 | 0 | 0.00% |
| 14.05 | Nguyễn Thị Then | Mẹ vợ | 34158003194 | 0 | 0.00% |
| 14.06 | Bùi Hoàng Thủy Trúc | Con | | 0 | 0.00% |
| 14.07 | Bùi Hoàng Bảo Sơn | Con | | 0 | 0.00% |
| 14.08 | Bùi Vũ Hoàng My | Chị ruột | 79185006386 | 0 | 0.00% |
| 14.09 | Nguyễn Quốc Huy | Anh rể | 23333456 | 0 | 0.00% |
| 14.10 | Bùi Vũ Hoàng Kim | Em ruột | N2175589 | 0 | 0.00% |
| 14.11 | Chu Vi Thông | Em rể | C1468936 | 0 | 0.00% |
| 15 | Võ Thị Diễm Trinh | Thư ký HĐQT và BGD | 365868343 | 0 | 0.00% |
| 15.01 | Võ Văn Đò | Cha | 365047679 | 0 | 0.00% |
| 15.02 | Nguyễn Thị Hãnh | Mẹ | 365329022 | 0 | 0.00% |
| 15.03 | Trần Hà Vy | Con | C7018585 | 0 | 0.00% |
| 15.04 | Võ Duy Thanh | Anh | B5744051 | 0 | 0.00% |
| 15.05 | Võ Thị Diễm Trang | Em | 366283839 | 0 | 0.00% |

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 21/06/2021

d. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt được thành lập từ năm 2007, đến nay đã quá 03 (ba) năm nên không còn bị ràng buộc về hạn chế chuyển nhượng.

1.5 Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

a. Công ty mẹ của VCSC

Không có

b. Danh sách công ty con của VCSC

Không có

c. Danh sách những công ty mà VCSC đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi

phối

Không có

d. Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với VCSC

Không có

1.6 Thông tin về Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của tổ chức phát hành

a. Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bảng 3: Danh sách Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Năm sinh | CMND/CCCD / Hộ chiếu |
|----------------------|-------------------|----------|----------------------|
| Ông Tô Hải | Tổng Giám đốc | 1973 | 034073008380 |
| Ông Nguyễn Quang Bảo | Phó Tổng Giám đốc | 1975 | 001075010479 |
| Ông Đinh Quang Hoàn | Phó Tổng Giám đốc | 1976 | 025004907 |
| Ông Đoàn Minh Thiện | Kế toán trưởng | 1981 | 025332121 |

b. Sơ yếu lý lịch Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc: Ông Tô Hải

- **Họ và tên:** Tô Hải
- **Giới tính:** Nam
- **Ngày sinh:** 01/12/1973
- **Nơi sinh:** Thái Bình
- **Số CMND:** 022977047
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Dân tộc:** Kinh
- **Địa chỉ thường trú:** 21B/3 Nguyễn Đình Chiểu, P.Đa Kao. Q.1, Tp.HCM
- **Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng
- **Quá trình công tác:**
 - ✓ Từ 1997 - 2000 *Cán bộ Dự án, Công ty viễn thông liên tỉnh, Tổng Công ty Bưu Chính Viễn Thông Việt Nam (Vietnam Telecom Nation)*

- ✓ Từ 2001 – 2002 *Chuyên viên phân tích, Công ty Chứng khoán Bảo Việt*
- ✓ Từ 2002 – 2003 *Trưởng phòng Tư vấn, Công ty Chứng khoán Đông Á*
- ✓ Từ 2003 – 2007 *Giám đốc Chi nhánh, Công ty Chứng khoán Bảo Việt*
- ✓ Từ 2007 – hiện nay *Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt*
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: *Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt*
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: *Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1*
- Những khoản nợ đối với Công ty: *Không có*
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: *Không có*
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: *Không có*

Phó Tổng Giám đốc: Ông Nguyễn Quang Bảo

- Họ và tên: **Nguyễn Quang Bảo**
- Giới tính: **Nam**
- Ngày sinh: **18/01/1975**
- Nơi sinh: **Hà Nội**
- Số CMND: **001075010479**
- Quốc tịch: **Việt Nam**
- Dân tộc: **Kinh**
- Địa chỉ thường trú: **9 Ngõ 82, Phạm Ngọc Thạch, P.Quang Trung, Q.Đống Đa, Hà Nội**
- Trình độ chuyên môn: **Đại học**
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 1996 - 2000 *Nhân viên, Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam*
 - ✓ Từ 2000 – 2002 *Nhân viên Môi giới, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam*
 - ✓ Từ 2002 – 2005 *Trưởng phòng Môi giới, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam*

- ✓ Từ 2005 -2007 *Phó Giám Đốc, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam*
- ✓ Từ 2007 – 2008 *Phó Giám Đốc khối dịch vụ chứng khoán, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn*
- ✓ Từ 2008 – hiện nay *Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám Đốc Chi Nhánh Hà Nội, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt*
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám Đốc Chi Nhánh Hà Nội, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

Phó Tổng Giám đốc: Ông Đinh Quang Hoàn

- Họ và tên: **Đinh Quang Hoàn**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/08/1976
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Số CMND: 025004907
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: C22 Nam Long, KP2, P.Phú Thuận, Q.7, Tp.HCM
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành tài chính
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 09/1998 – 06/2002 *Kiểm toán viên, Công ty Kiểm toán Arthur Andersen*
 - ✓ Từ 06/2002 – 03/2007 *Trưởng phòng Kiểm toán, Công ty Kiểm toán KPMG*

- ✓ Từ 03/2007 – 08/2007 *Phó phòng Tư vấn, Công ty Chứng khoán Bảo Việt*
- ✓ Từ 08/2007 – 01/2013 *Giám Đốc Tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt*
- ✓ 02/2013 – hiện nay *Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt*
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: *Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt*
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: *Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Lothamilk*
- Những khoản nợ đối với Công ty: *Không có*
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: *Không có*
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: *Không có*

Kế toán trưởng: Ông Đoàn Minh Thiện

- Họ và tên: **Đoàn Minh Thiện**
- Giới tính: **Nam**
- Ngày sinh: **11/06/1981**
- Nơi sinh: **Thừa Thiên Huế**
- Số CMND: **025332121**
- Quốc tịch: **Việt Nam**
- Dân tộc: **Kinh**
- Địa chỉ thường trú: **521/69C CMT8, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh**
- Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Tài chính**
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 08/2003 – 08/2004 *Nhân viên Kế toán, Công ty TM-Xây dựng Hải Lê*
 - ✓ Từ 08/2004 – 07/2005 *Nhân viên Kế toán, Công ty Waseco*
 - ✓ Từ 07/2005 – 04/2007 *Nhân viên Kế toán, Công ty Jonathan Charles Fine Furniture*

- ✓ Từ 04/2007 – 09/2011 *Phó phòng Tài chính và Kế toán, Công ty Petro Vietnam Telecom (nay là Petrosetco Distribution)*
- ✓ Từ 09/2011 – hiện nay *Kế toán trưởng, Bộ phận Tài chính kế toán, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt*
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

1.7 Thông tin về nhân sự quản lý rủi ro liên quan tới hoạt động phát hành chứng quyền

Trưởng bộ phận quản trị rủi ro cho nghiệp vụ Chứng quyền bảo đảm: Ông Thái Hoàng Anh Quân

- Họ và tên: **Thái Hoàng Anh Quân**
- Trình độ học vấn
 - ✓ Từ 2008 – 2011 Cử nhân tài chính ứng dụng - Đại học Macquarie, Sydney, Úc
 - ✓ Từ 2013 Chứng chỉ hành nghề Phân tích chứng khoán được cấp bởi Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam
 - ✓ Từ 2016 Thẻ thẩm định viên về giá được cấp bởi Bộ Tài Chính Việt Nam
- Kinh nghiệm công tác:
 - ✓ Từ 2012 – 2014 Chuyên viên – Phòng Ngân hàng Đầu tư
 - ✓ Từ 2014 – 2017 Chuyên viên cao cấp – Phòng Ngân hàng Đầu tư
 - ✓ Từ 2018 – nay Trưởng phòng – Phòng Ngân hàng Đầu tư

2. Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành

2.1 Giá trị dịch vụ qua các năm

a. Doanh thu

Bảng 4: Doanh thu theo lĩnh vực kinh doanh chính mảng hoạt động qua các 2019, 2020 và 6 tháng đầu năm 2021

| Chỉ tiêu (tỷ đồng) | 2019 | Tỷ trọng (%) | 2020 | Tỷ trọng (%) | Tăng / Giảm (%) | 6 T/2021 | Tỷ trọng (%) |
|---|--------------|-----------------|--------------|-----------------|-----------------------|--------------|--------------------|
| Ngân hàng đầu tư | 179 | 11,5% | 148 | 8,5% | (17,3%) | 4 | 0,2% |
| Đầu tư chứng khoán | 704 | 45,4% | 842 | 48,5% | 19,6% | 1.033 | 62,2% |
| Dịch vụ môi giới chứng khoán ² | 325 | 21,0% | 439 | 25,3% | 35,1% | 381 | 22,9% |
| Lãi từ các khoản cho vay và phải thu | 344 | 22,2% | 307 | 17,7% | (10,8%) | 244 | 14,7% |
| Tổng cộng | 1.551 | 100,0% | 1.736 | 100,0% | 11,9% | 1.662 | 100,0% |

Tổng doanh thu năm 2020 của VCSC đạt 1.736 tỷ đồng. Tổng doanh thu năm 2020 tăng 12,9% so với năm 2019. Chi tiết doanh thu các mảng hoạt động như sau:

Hoạt động ngân hàng đầu tư

VCSC được xem là công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam trong mảng tư vấn mua bán & sáp nhập (M&A) và huy động vốn, chào bán ra công chúng (IPO).

- Bộ phận ngân hàng đầu tư ("Investment Banking", "IB") của VCSC cung cấp các dịch vụ tư vấn về M&A, huy động vốn, phát hành trái phiếu, IPO và niêm yết, gồm hai văn phòng tại Tp.HCM và Hà Nội với đội ngũ chuyên gia gồm hơn 20 nhân sự trong nước và nước ngoài. Bộ phận ngân hàng đầu tư của VCSC có thị phần dẫn đầu vượt trội trong mảng tư vấn tại Việt Nam và là đơn vị tư vấn chính cho hầu hết các doanh nghiệp lớn trong nước, đồng thời cũng là đơn vị tư vấn trong nước được lựa chọn bởi các nhà đầu tư nước ngoài.
- Bộ phận IB của VCSC có đội ngũ chuyên gia tư vấn tài chính am hiểu thị trường Việt Nam, từng có kinh nghiệm làm việc tại các công ty danh tiếng như Goldman Sachs, Credit Suisse, Bank of America Merrill Lynch... giúp đảm bảo khả năng triển khai giao dịch thành công, thực hiện các thương vụ đáp ứng chuẩn mực và chất lượng quốc tế để đem lại lợi ích tối đa cho khách hàng.
- Bộ phận IB của VCSC liên tục nhận được các giải thưởng tiêu biểu như "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam", "Công ty tư vấn phát hành tốt nhất" hàng năm từ các tổ chức quốc tế bao gồm Alpha Southeast Asia (2011-2019), Euromoney (2015) và Finance Asia (2013, 2015, 2016, 2017).

¹ Doanh thu theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty sau khi phân bổ doanh thu hoạt động tài chính

² Bao gồm doanh thu môi giới do bộ phận tư vấn thực hiện

- Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, các hoạt động huy động vốn, M&A xuyên quốc gia bị ngưng trệ, dẫn tới việc quy mô cũng như giá trị của các giao dịch giảm nhiều so với năm 2019. Tuy nhiên, VCSC vẫn thành công trong việc tư vấn hàng loạt các thương vụ trong nước, điển hình như:
 - Tư vấn thành công cho Masan Group trong việc mua chi phối Công ty Cổ phần Bột giặt NET thông qua công ty con là Công ty TNHH Masan HPC (trị giá hơn 500 tỷ đồng);
 - Tư vấn giao dịch chuyển nhượng 38,9 triệu cổ phần thứ cấp MSN (trị giá gần 2.330 tỷ đồng) của Masan Group cho quỹ đầu tư của Chính phủ Singapore GIC;
 - Tư vấn cho VinaCapital thoái vốn tại CTCP Sửa Quốc tế (IDP);
 - Tư vấn thoái vốn cho các cổ đông của CTCP Bao bì Biên Hòa chuyển nhượng 94,11% cổ phần cho Siam Cement Group (SCG) thông qua công ty con của SCG là TCG Solutions Pte. Ltd;
 - Tư vấn cho CTCP Xây lắp điện 1 (PC1) chào bán thành công 40% cổ phần của 3 dự án điện gió cho đối tác chiến lược Renova với tổng công suất 144 MW và tổng mức đầu tư khoảng 6.058 tỷ đồng;
 - Tư vấn niêm yết cổ phiếu của Ngân hàng TMCP An Bình ("ABB") tại UPCOM với tổng giá trị niêm yết hơn 8.000 tỷ đồng;
 - Tư vấn chuyển niêm yết cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt ("LPB") từ UPCOM sang HOSE với tổng giá trị niêm yết hơn 11.000 tỷ đồng.
- Các thương vụ tiêu biểu trong các năm qua:



Là đơn vị đồng tư vấn phát hành riêng lẻ & IPO cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam với giá trị vốn hóa là khoảng 6,5 tỷ USD (2018)



Là đơn vị tư vấn độc quyền bên bán cho giao dịch bán 97% cổ phần Công ty Cổ phần Ngừ Á Châu, trị giá 180 tỷ đồng (2018)



Là đơn vị đồng tư vấn bên bán cho giao dịch bán cổ phần Công ty Cổ phần TRAPHACO, trị giá 105 triệu USD (2017)



Tư vấn độc quyền phát hành riêng lẻ & IPO cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng với giá trị vốn hóa là khoảng 2,3 tỷ USD (2017)



Tư vấn phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ) với tổng giá trị phát hành là hơn 975 tỷ đồng (2017)



Là đơn vị đồng tư vấn cho Casino Group chuyển nhượng chuỗi siêu thị BigC Việt Nam cho Tập đoàn Central Group với giá 1,1 tỷ Euro (2016)



Tư vấn cho bên mua là Fraser & Neave trong thương vụ mua 78,3 triệu cổ phần Vinamilk từ SCIC (tương ứng 5,4% vốn điều lệ) thông qua đấu giá với giá trị thương vụ 500 triệu USD (2016)



Là đơn vị đồng tư vấn cho đợt bán cổ phần có quy mô lớn nhất trong những năm gần đây, VietJet Air – 170 triệu USD (2016); đơn vị tư vấn niêm yết duy nhất cho VietJet Air (2017)



Là đơn vị đồng tư vấn cho đợt bán cổ phần Novaland trị giá 120 triệu USD (2016)



Tư vấn thành công thương vụ chuyển nhượng 100% vốn tại Công ty TNHH Togico – doanh nghiệp phân phối thực phẩm hàng đầu tại Việt Nam cho Kato Sangyo – tập đoàn nước giải khát Nhật Bản với vai trò là đơn vị tư vấn độc quyền cho bên bán (2016)



Tư vấn việc bán 30% cổ phần của Công ty ANCO cho Masan Nutri-Science nhằm tăng tỷ lệ sở hữu của Masan tại đây lên 100% (2016)



Tư vấn phát hành trái phiếu và cổ phiếu ra công chúng cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền với tổng giá trị phát hành hơn 1.600 tỷ đồng (2015)



Tư vấn cho Công ty cổ phần Masan thông qua Công ty Masan Nutri-Science mua lại 70% cổ phần Anco và 52% cổ phần Proconco (2015)



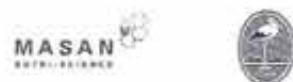
Là đơn vị đồng tư vấn cho giao dịch Nguyễn Kim bán cổ phần cho Central Group Thái Lan (2014)



Là đơn vị tư vấn cho giao dịch chào bán cổ phần riêng lẻ Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (Mobile World) cho nhà đầu tư nước ngoài – 30 triệu USD (2014)



Là đơn vị tư vấn cho Metro Pacific Tollways Corp. mua lại cổ phần Công ty CII B&R – 90 triệu USD (2014)



Là đơn vị đồng tư vấn cho giao dịch bán 40% cổ phần Proconco cho Masan, trị giá 96 triệu USD (2013)

- Các thương vụ thành công khác:

| | | | | |
|--|---|--|--|---|
| <p>VICEM</p>  <p>Tư vấn Vicem trong giao dịch thoái vốn của LafargeHolcim tại Holcim Việt Nam 890 triệu USD 2016</p> | <p>Chuỗi Siêu thị Big C</p>  <p>Đồng tư vấn M&A 1,100 triệu EUR 2016</p> | <p>TOGICO</p>  <p>Tư vấn mua bán sáp nhập 20 triệu USD 2016</p> | <p>Fraser & Neave ("F&N")</p>  <p>Tư vấn bên mua US\$500mn 2016</p> | <p>Bao bì Tân Tiến Bao bì Minh Việt</p>  <p>Tư vấn mua bán sáp nhập cho bên bán Bảo mật 2015</p> |
| <p>CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền</p>  <p>Tư vấn mua lại dự án Bảo mật 2015</p> | <p>Khang Dien House BCCI</p>  <p>Tư vấn mua bán sáp nhập Bảo mật 2015</p> | <p>CTCP Phát triển BDS Phát Đạt</p>  <p>Tư vấn mua lại dự án Bảo mật 2015</p> | <p>CTCP Thương mại Nguyễn Kim</p>  <p>Đồng tư vấn M&A Bảo Mật 2014</p> | <p>CTCP Savimex</p>  <p>Tư vấn mua bán sáp nhập 6.9 triệu USD 2014</p> |
| <p>Xi Măng Hải Vân</p>  <p>Tư vấn mua bán sáp nhập 38.6 triệu USD 2014</p> | <p>Metro Pacific Tollways Corp (MPTC) CII B&R</p>  <p>Tư vấn bên mua - MPTC mua lại CII B&R 90 triệu USD 2014</p> | <p>Taisei Oncho Co.,Ltd. Searefico</p>  <p>Tư vấn mua bán sáp nhập <10 triệu USD 2013</p> | <p>Mobivi Paylink</p>  <p>Tư vấn mua bán sáp nhập 10 triệu USD 2012</p> | <p>Tập đoàn Masan</p>  <p>Tư vấn Masan mua cổ phần bia Phú Yên 12.5 triệu USD 2013</p> |
| <p>CTCP phân bón & hóa chất dầu khí</p>  <p>Tư vấn mua bán sáp nhập 779 triệu USD 2012</p> | <p>Licogi 16.6</p>  <p>Tư vấn mua bán sáp nhập <10 triệu USD 2012</p> | <p>Xi Măng Hải Vân</p>  <p>Tư vấn bên bán cho Vicem Hai Van mua lại Nhà máy xi măng Áng Sơn II 40 triệu USD 2012</p> | <p>CTCP Hàng tiêu dùng Masan</p>  <p>Đại lý chào mua công khai Vinacafe Biên Hòa 50 triệu USD 2011</p> | <p>CTCP Viễn Thông FPT</p>  <p>Tư vấn sát nhập FPT Information system, FPT trading and FPT Software 50 triệu USD 2011</p> |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| <p>Hãng hàng không Vietjet Air</p>  <p>Đóng tư vấn chào bán đại chúng & niêm yết HOSE</p> <p>1.3 tỷ USD 2017</p> | <p>Tập đoàn đầu tư địa ốc Novaland</p>  <p>Đóng tư vấn chào bán riêng lẻ</p> <p>1.35 tỷ USD 2016</p> | <p>Vissan</p>  <p>Đóng tư vấn chào bán đại chúng & UPCOM</p> <p>290 triệu USD 2016</p> | <p>CTCP Xây lắp điện 1</p>  <p>Tư vấn niêm yết HOSE</p> <p>120 triệu USD 2016</p> | <p>Tập đoàn NaFoods</p>  <p>Tư vấn niêm yết HOSE</p> <p>37 triệu USD 2015</p> |
| <p>CTCP Hàng tiêu dùng Masan</p>  <p>Tư vấn UPCOM</p> <p>Bảo mật 2016</p> | <p>Tổng Công ty Xây dựng số 1</p>  <p>Tư vấn cổ phần hóa</p> <p>70 triệu USD 2016</p> | <p>Cty TNHH – MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương</p>  <p>Tư vấn cổ phần hóa</p> <p>95 triệu USD 2016</p> | <p>Tổng Cty Chè VN – CTCP Vina Tea</p>  <p>Tư vấn IPO</p> <p>5 triệu USD 2015</p> | <p>Masan Tài Nguyên</p>  <p>Tư vấn UPCOM</p> <p>500 triệu USD 2015</p> |
| <p>CTCP Phân bón Đầu khí Cà Mau</p>  <p>Tư vấn cổ phần hóa</p> <p>219 triệu USD 2014</p> | <p>Thế giới di động</p>  <p>Tư vấn niêm yết HOSE</p> <p>200 triệu USD 2013</p> | <p>Phân bón Bình Điền</p>  <p>Tư vấn niêm yết HOSE</p> <p>63.5 triệu USD 2013</p> | <p>An Dương Thảo Điện</p>  <p>Tư vấn niêm yết HOSE</p> <p>50 triệu USD 2012</p> | <p>Tổng Cty Khí VN - PetroVietnam Gas</p>  <p>Tư vấn niêm yết HOSE</p> <p>3.2 tỷ USD 2012</p> |
| <p>CTCP Docimexco</p>  <p>Tư vấn niêm yết HOSE</p> <p>15 triệu USD 2011</p> | <p>Vinacafe Bien Hoa</p>  <p>Tư vấn niêm yết HOSE</p> <p>68 triệu USD 2011</p> | <p>Hanoi Southern City Development</p>  <p>Tư vấn niêm yết UPCOM</p> <p>49 triệu USD 2011</p> | <p>Cty Lương thực Đồng Tháp - Dong Thap Food</p>  <p>Tư vấn niêm yết HOSE</p> <p>21 triệu USD 2011</p> | <p>CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng</p>  <p>Tư vấn UPCOM</p> <p>50 triệu USD 2011</p> |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| <p>Home Credit Việt Nam</p>  <p>Tư vấn chứng chỉ tiền gửi</p> <p>US\$10mn 2015</p> | <p>HD Sai Son</p>  <p>Tư vấn chứng chỉ tiền gửi</p> <p>US\$27mn 2015</p> | <p>Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Bến Thành</p>  <p>Tư vấn trái phiếu doanh nghiệp</p> <p>US\$15mn 2015</p> | <p>Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo</p>  <p>Tư vấn phát hành cổ phiếu</p> <p>US\$<10mn 2014</p> | <p>Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động</p>  <p>Tư vấn chào bán riêng lẻ</p> <p>US\$30mn 2014</p> |
|---|---|---|---|---|

| | | | | |
|---|--|---|---|---|
| <p>CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền</p>  <p>Tư vấn phát hành riêng lẻ</p> <p>US\$40mn 2014</p> | <p>Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Bến Thành</p>  <p>Tư vấn phát hành cổ phiếu</p> <p>US\$<10mn 2013</p> | <p>Tập đoàn Masan</p>  <p>Tư vấn chào bán riêng lẻ</p> <p>US\$110mn 2013</p> | <p>Tổng Công ty CP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí</p>  <p>Đồng tư vấn chào bán riêng lẻ</p> <p>US\$40mn 2013</p> | <p>Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1</p>  <p>Tư vấn chào bán riêng lẻ</p> <p>US\$57mn 2013</p> |
|---|--|---|---|---|

| | | | | |
|---|--|--|--|--|
| <p>Công ty Phân bón Bình Điền</p>  <p>Tư vấn phát hành cổ phần ra công chúng</p> <p>US\$3.7mn 2013</p> | <p>Công ty Cổ phần Giấy Sài Gòn</p>  <p>Đồng tư vấn chào bán riêng lẻ</p> <p>Bảo mật 2012</p> | <p>Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật</p>  <p>Tư vấn phát hành cho đối tác chiến lược</p> <p>US\$10mn 2012</p> | <p>CTCP Đầu tư và Phát triển Nhà đất COTEC</p>  <p>Tư vấn phát hành cổ phiếu</p> <p>US\$<10mn 2012</p> | <p>Ngân hàng Gia Định</p>  <p>Tư vấn phát hành cổ phiếu</p> <p>USD\$50mn 2011</p> |
|---|--|--|--|--|

| | | | | |
|--|---|---|---|---|
| <p>Công ty Cổ phần Xây lắp I - Petrolimex</p>  <p>Tư vấn phát hành cổ phần ra công chúng</p> <p>US\$<10mn 2011</p> | <p>Tổng công ty XD Thủy lợi 4</p>  <p>Tư vấn phát hành cổ phiếu</p> <p>US\$<10mn 2011</p> | <p>Công ty Cổ phần Long Hậu</p>  <p>Tư vấn phát hành cổ phần ra công chúng</p> <p>Bảo mật 2011</p> | <p>Công ty Cổ phần Sữa Vinamilk</p>  <p>Tư vấn phát hành cổ phiếu</p> <p>US\$88mn 2011</p> | <p>Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan</p>  <p>Tư vấn phát hành cổ phiếu</p> <p>US\$50mn 2011</p> |
|--|---|---|---|---|

Hoạt động đầu tư chứng khoán

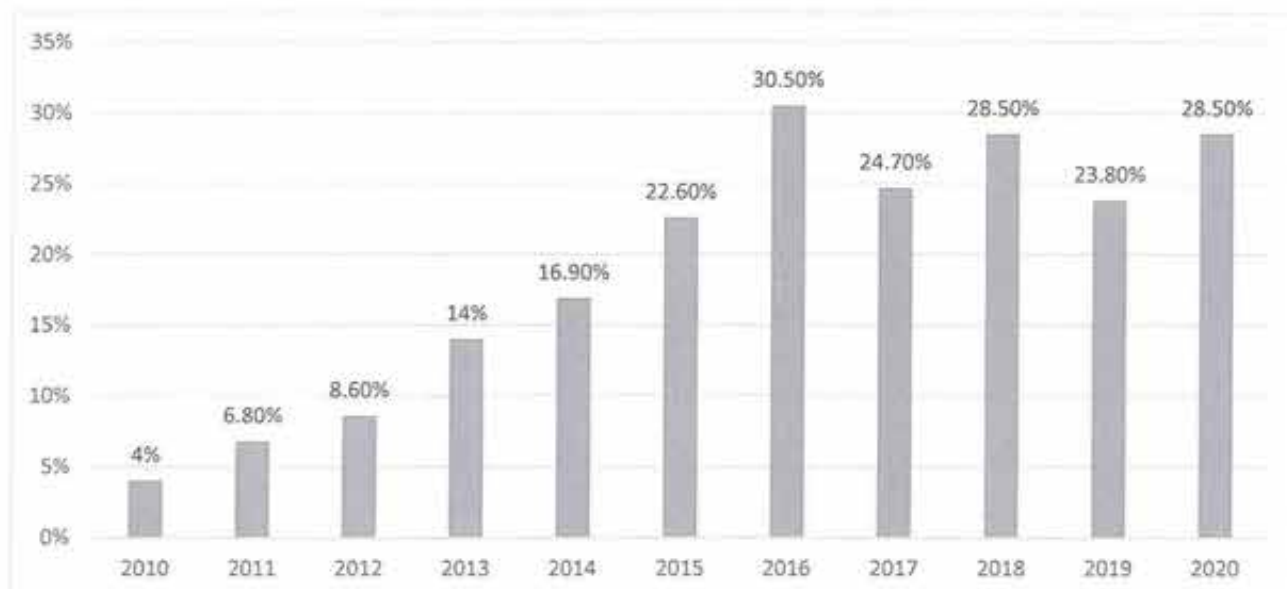
- VCSC thực hiện đầu tư vào các khách hàng tư vấn của VCSC giúp tạo ra một danh mục đầu tư hiệu quả.
- Chiến lược đầu tư tập trung vào các doanh nghiệp tăng trưởng, chuẩn bị niêm yết.
- Từ khi thành lập, VCSC luôn tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các công ty tốt và triển vọng trong những ngành nghề khai thác được tiềm năng của thị trường Việt Nam với quy mô dân số hơn 90 triệu người.
- Với vị trí dẫn đầu trong mảng ngân hàng đầu tư, VCSC có thể phối hợp chặt chẽ với các khách hàng tư vấn và có nhiều cơ hội để tham gia đầu tư tạo giá trị.
- Năm 2020, doanh thu 842 tỷ đồng được tạo ra từ các khoản đầu tư, tăng 19,7% so với năm 2019.

Dịch vụ môi giới chứng khoán

Môi giới khách hàng tổ chức nước ngoài (“Institutional Sales and Brokerage”, “ISB”): VCSC dẫn đầu thị phần trong mảng môi giới khách hàng nước ngoài.

- Bộ phận môi giới khách hàng tổ chức cung cấp đầy đủ các dịch vụ môi giới và giao dịch bao gồm:
 - ✓ Môi giới cổ phiếu và trái phiếu
 - ✓ Giao dịch lô lớn
 - ✓ Tư vấn đầu tư và thoái vốn
 - ✓ Lưu ký
 - ✓ Tiếp xúc doanh nghiệp
 - ✓ Hỗ trợ DMA, STP và FIX
- Bộ phận môi giới khách hàng tổ chức hiện nay gồm một đội ngũ 16 chuyên gia trong nước và quốc tế giàu kinh nghiệm, am hiểu thị trường, tư vấn đầu tư hiệu quả. Bên cạnh đó, bộ phận ISB được hỗ trợ bởi một đội ngũ phân tích thị trường gồm hơn 20 nhân sự phụ trách báo cáo 70 doanh nghiệp chiếm hơn 80% vốn hóa thị trường, báo cáo ngành, báo cáo chiến lược...
- Bộ phận môi giới khách hàng tổ chức là đơn vị đầu mối tổ chức sự kiện “Vietnam Access Day” – VAD – một hội nghị thường niên uy tín thu hút đông đảo các nhà đầu tư tổ chức trong nước và quốc tế với số lượng tham dự lên đến 500 đơn vị. Ngoài ra, bộ phận ISB còn là trung gian kết nối các doanh nghiệp hàng đầu trong nước với nhà đầu tư quốc tế, thường xuyên tổ chức các chuyến thăm doanh nghiệp hoặc tổ chức các chuyến giới thiệu doanh nghiệp Việt Nam (non-deal roadshow) tại thị trường nước ngoài như Mỹ, Châu Âu, Hongkong, Nhật Bản, Singapore, Thái Lan...
- Bộ phận ISB của VCSC được bình chọn là “Nhà môi giới khách hàng tổ chức tốt nhất Việt Nam” bởi Alpha Southeast Asia năm 2014 và “Nhà môi giới tốt nhất” bởi Finance Asia năm 2017.
- Với lợi thế từ hoạt động tư vấn tài chính, M&A, bộ phận ISB có điều kiện tiếp cận, làm việc trực tiếp với nhiều doanh nghiệp tốt, có uy tín, thương hiệu trên thị trường. Từ đó, ISB có thể giới thiệu các cơ hội các cơ hội đầu tư tốt cho các khách hàng hiện hữu.
- Hoạt động ISB chiếm 50% tổng doanh thu từ mảng môi giới chứng khoán của VCSC.

Hình 4: Thị phần môi giới nước ngoài của VCSC tại HSX

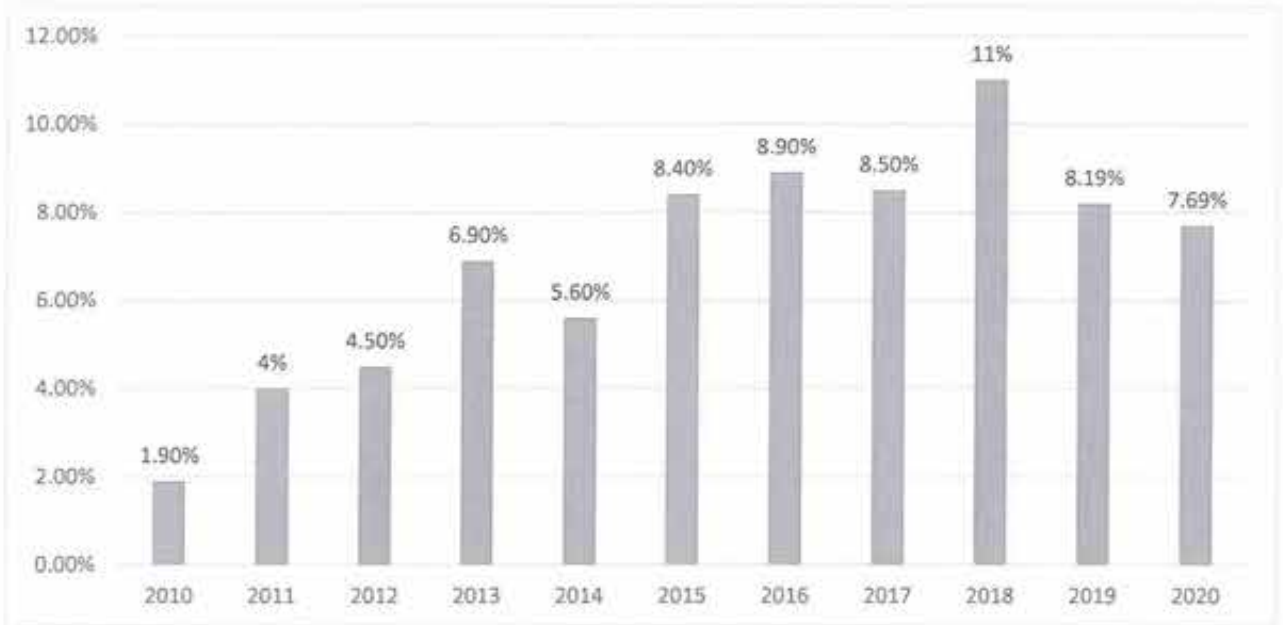


Nguồn: HSX, VCSC

Môi giới khách hàng trong nước (“Local Brokerage”, “LB”): VCSC đang giữ vị trí top 4 thị phần môi giới tại HSX

- Bộ phận môi giới trong nước phục vụ khách hàng cá nhân trong nước với đầy đủ các dịch vụ môi giới và hiện có hơn 50.000 tài khoản đang hoạt động (tính đến 31/12/2020), tăng 12,1% so với năm 2019. Các dịch vụ bao gồm môi giới, lưu ký, quản lý cổ đông, cung cấp dịch vụ ký quỹ... với đội ngũ hơn 100 nhân sự kinh nghiệm, am hiểu thị trường và tận tâm với khách hàng. Tư vấn đầu tư được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của bộ phận môi giới.
- Bộ phận môi giới trong nước có khả năng tư vấn sâu sắc và toàn diện từ bộ phận nghiên cứu phân tích, hỗ trợ nhà đầu tư ra quyết định đúng đắn và hiệu quả.
- Bộ phận môi giới trong nước không ngừng cải tiến các phương thức giao dịch, trong đó phải kể đến các phương thức tương tác trực tuyến như V-Pro, V-Web, V-Mobile; hỗ trợ DMA và STP... đảm bảo tính nhanh chóng, thuận lợi và bảo mật thông tin.
- Số lượng khách hàng cá nhân của VCSC ngày càng tăng trong các năm qua, và với tỷ lệ giao dịch của khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng chi phối trong toàn bộ giá trị giao dịch trên thị trường, điều này đã giúp thị phần của VCSC đạt mức 7,69% vào năm 2020, giảm nhẹ so với năm 2019 và giúp VCSC giữ vị trí top 4 trên thị trường.
- VCSC hướng đến khách hàng có doanh số cao, mục đích đầu tư ổn định và lâu dài.
- Hoạt động môi giới khách hàng cá nhân chiếm 50% tổng doanh thu từ mảng môi giới chứng khoán của VCSC.

Hình 5: Thị phần môi giới tổng thể của VCSC tại HSX



Nguồn: HSX, VCSC

Doanh thu môi giới chứng khoán năm 2020 tăng 35,3% so với năm 2019. Bất chấp việc bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, năm 2020, thị trường chứng khoán Việt Nam với VN-Index vẫn có được mức tăng gần 15% so với cuối năm 2019. Thanh khoản trên thị trường chứng khoán liên tục lập kỷ lục cả về khối lượng và giá trị khớp lệnh với giá trị giao dịch bình quân phiên năm 2020 là: 7.425 tỷ đồng/phiên, tăng 61,5% so với năm 2019, khối lượng giao dịch bình quân 440 triệu cổ phiếu/phiên, tăng 96% so với năm 2019. Nhà đầu tư cá nhân trong nước lập kỷ lục về số lượng mở mới tài khoản chứng khoán với 392.527 tài khoản với tổng số lượng tài khoản cá nhân lũy kế đến cuối năm 2020 là 2,74 triệu tài khoản. Trong năm 2020, VCSC tiếp tục giữ vị trí thứ 4 về thị phần môi giới trên Sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với 7,69% thị phần.

Hoạt động giao dịch ký quỹ (“Margin lending”)

VCSC tập trung vào việc quản lý thận trọng các hoạt động cho vay ký quỹ: tỷ suất nợ trên vốn chủ sở hữu vào cuối năm 2020 chỉ là 85,38%, thấp hơn đáng kể so với giới hạn theo quy định là 300%.

Hình 6: Số dư hoạt động cho vay ký quỹ 2012-2020

Đơn vị: tỷ đồng



Nguồn: VCSC

b. Lợi nhuận gộp

Bảng 5: Tổng lợi nhuận trước thuế theo lĩnh vực kinh doanh chính năm 2019, 2020 và 6 tháng đầu năm 2021

| Chỉ tiêu ³ (tỷ đồng) | 2019 | % Doanh thu | 2020 | % Doanh thu | Tăng / Giảm (%) | 6T/ 2021 | % Doanh thu |
|---|------------|--------------|------------|---------------|-----------------|------------|--------------|
| Ngân hàng đầu tư | 112 | 7,2% | 102 | 5,88% | (8,93%) | (24) | (1,4%) |
| Đầu tư chứng khoán | 407 | 26,2% | 514 | 29,61% | 26,29% | 627 | 37,7% |
| Dịch vụ môi giới chứng khoán ⁴ | 132 | 8,5% | 185 | 10,66% | 40,15% | 144 | 8,7% |
| Lãi từ các khoản cho vay và phải thu | 204 | 13,2% | 150 | 8,64% | (26,47%) | 121 | 7,3% |
| Tổng cộng | 855 | 55,1% | 951 | 54,78% | 11,23% | 868 | 52,2% |

Lợi nhuận trước thuế năm 2020 của VCSC đạt 951 tỷ đồng, tăng 11,2% so với năm 2019. Tỷ suất Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu hoạt động luôn đạt mức khoảng 55% trong năm 2018 - 2020.

³ Lợi nhuận gộp theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty được tính dựa trên chi phí có phân bổ chi phí tài chính

⁴ Bao gồm lợi nhuận gộp từ môi giới do bộ phận tư vấn thực hiện

Bảng 6: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

| Chỉ tiêu (triệu đồng) | 2019 | 2020 | Tăng / Giảm (%) | 6T/2021 |
|--------------------------|-----------|-----------|-----------------|------------|
| Tổng giá trị tài sản | 7.242.960 | 8.382.405 | 15.73% | 11.516.672 |
| Doanh thu hoạt động | 1.540.944 | 1.729.592 | 12.24% | 1.654.999 |
| Kết quả hoạt động | 854.990 | 950.418 | 11.16% | 868.026 |
| Lợi nhuận trước thuế | 855.007 | 951.039 | 11.23% | 867.718 |
| Lợi nhuận sau thuế | 693.181 | 768.912 | 10.93% | 702.127 |

3. Tình hình tài chính

3.1 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng hoặc khế ước tiền vay. Công ty hiện không có khoản nợ quá hạn.

Công ty không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên một năm.

3.2 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành. Số dư các khoản thuế và phải nộp cho nhà nước tại thời điểm 30/06/2021 như sau:

Bảng 7: Số dư thuế và các khoản khác phải nộp nhà nước

| Chỉ tiêu (triệu đồng) | 31/12/2019 | 31/12/2020 | 30/06/2021 |
|---|---------------|---------------|----------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành | 45.803 | 67.713 | 76.679 |
| Thuế thu nhập cá nhân giao dịch chứng khoán nộp hộ khách hàng | 6.787 | 24.549 | 25.716 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 1.159 | 1.585 | 2.919 |
| Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa | 2.071 | 2.009 | 45 |
| Tổng cộng | 55.820 | 95.855 | 105.360 |

3.3 Tổng dư nợ vay

Dưới đây là số dư các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại 31/12/2019, 31/12/2020 và 30/06/2021:

Bảng 8: Số dư các khoản vay ngắn hạn và dài hạn

| Chi tiêu (triệu đồng) | 31/12/2019 | 31/12/2020 | 30/06/2021 |
|-------------------------------|------------------|------------------|------------------|
| Khoản vay ngắn hạn | 2.532.550 | 3.364.450 | 5.526.615 |
| Vay ngắn hạn | 1.450.980 | 2.696.130 | 3.904.045 |
| Trái phiếu phát hành ngắn hạn | 1.081.570 | 668.320 | 1.622.570 |
| Khoản vay dài hạn | - | - | - |
| Tổng cộng | 2.532.550 | 3.364.450 | 5.526.615 |

Tính đến 30/06/2021, số dư trái phiếu phát hành ngắn hạn của Công ty là 1.622,57 tỷ đồng. Đây là trái phiếu ghi danh không chuyển đổi do Công ty phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư là cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Các trái phiếu có mệnh giá 10.000.000 đồng Việt Nam và kỳ hạn 24 tháng kể từ ngày phát hành. Trái chủ có quyền yêu cầu Công ty mua lại trước ngày đáo hạn. Lãi suất trái phiếu thỏa thuận.

Công ty không có khoản vay dài hạn. Các khoản vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay ngân hàng được trình bày chi tiết ở bảng dưới đây.

Bảng 9: Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

Đơn vị: triệu đồng

| Khoản vay | Số dư tại 30/06/2021 | Thông tin về khoản vay |
|--------------------------------|-------------------------|---|
| (i) Vay ngân hàng trong nước | 300.000 | Đây là khoản vay từ ngân hàng trong nước với hạn mức 300 tỷ đồng có hiệu lực 1 năm và được tái tục hàng năm |
| (ii) Vay ngân hàng trong nước | 1.000.000 | Đây là khoản vay từ ngân hàng trong nước với hạn mức tín chấp là 800 tỷ đồng, hạn mức có tài sản đảm bảo là 200 tỷ đồng |
| (iii) Vay ngân hàng trong nước | 680.000 | Đây là khoản vay từ ngân hàng trong nước với hạn mức 700 tỷ đồng có hiệu lực đến 25/02/2022 |
| (iv) Vay ngân hàng trong nước | 650.000 | Đây là khoản vay từ ngân hàng trong nước với hạn mức tín chấp là 500 tỷ đồng, hạn mức có tài sản đảm bảo là 150 tỷ đồng |
| (v) Vay ngân hàng trong nước | 100.000 | Đây là khoản vay từ ngân hàng trong nước với hạn mức 500 tỷ đồng có hiệu lực đến 31/03/2022 |
| (vi) Vay ngân hàng nước ngoài | 138.300 | Đây là khoản vay từ ngân hàng nước ngoài với hạn mức 6 triệu đô la Mỹ có hiệu lực 1 năm và |

Đơn vị: triệu đồng

| Khoản vay | Số dư tại 30/06/2021 | Thông tin về khoản vay |
|---------------------------------|-------------------------|--|
| | | được tái tục hàng năm |
| (vii) Vay ngân hàng nước ngoài | 114.765 | Đây là khoản vay từ ngân hàng nước ngoài với hạn mức 5 triệu đô la Mỹ có hiệu lực 1 năm và được tái tục hàng năm |
| (viii) Vay ngân hàng nước ngoài | 920.980 | Đây là khoản vay hợp vốn từ các ngân hàng nước ngoài với hạn mức tín dụng là 40 triệu đô la Mỹ có hiệu lực 3 năm |
| Tổng cộng | 3.904.045 | |

Nguồn: Báo cáo tài chính tài chính 6 tháng đầu năm 2021

3.4 Tình hình công nợ hiện nay

a. Các khoản phải thu

Bảng 10: Các khoản phải thu của Công ty

| Chi tiêu (triệu đồng) | 31/12/2019 | 31/12/2020 | 30/06/2021 |
|------------------------------------|----------------|----------------|----------------|
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 395.927 | 259.391 | 154.246 |
| Các khoản phải thu | 44.767 | 221.799 | 124.881 |
| Trả trước cho người bán | 282.144 | 18.748 | 21.557 |
| Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp | 7.681 | 14.833 | 9.736 |
| Phải thu khác | 63.260 | 5.939 | - |
| Dự phòng các khoản phải thu | (1.925) | (1.928) | (1.928) |
| Các khoản phải thu dài hạn | - | - | - |
| Tổng cộng | 395.927 | 259.391 | 154.246 |

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2019, 2020 và báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021

b. Các khoản phải trả

Bảng 11: Các khoản phải trả của Công ty

| Chi tiêu (triệu đồng) | 31/12/2019 | 31/12/2020 | 30/06/2021 |
|---|------------------|------------------|------------------|
| Nợ phải trả ngắn hạn | 3.089.095 | 3.733.857 | 5.971.335 |
| Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn | 1.450.980 | 2.696.130 | 3.904.045 |
| Trái phiếu phát hành ngắn hạn | 1.081.570 | 668.320 | 1.622.570 |
| Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 5.114 | 18.874 | 36.530 |

| Chỉ tiêu (triệu đồng) | 31/12/2019 | 31/12/2020 | 30/06/2021 |
|--|------------------|------------------|------------------|
| Phải trả người bán ngắn hạn | 12.209 | 100.113 | 69.984 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 210 | 7.971 | 8.279 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 55.820 | 95.855 | 105.360 |
| Phải trả người lao động | 106.863 | 89.087 | 124.209 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 62.461 | 29.821 | 44.314 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn | 313.867 | 27.685 | 56.046 |
| Quỹ khen thưởng phúc lợi | - | - | - |
| Nợ phải trả dài hạn | 102.259 | 127.061 | 242.443 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn | - | - | - |
| Quỹ bảo vệ nhà đầu tư | - | - | - |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 102.259 | 127.061 | 242.443 |
| Tổng cộng | 3.191.354 | 3.860.919 | 6.213.778 |

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2019, 2020 và báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021

3.5 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

a. Chỉ tiêu về an toàn tài chính

Bảng 12: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính 2018, 2019 và năm 2020

Đơn vị: triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2018 | 31/12/2019 | 31/12/2020 |
|--|------------------|------------------|------------------|
| Giá trị vốn khả dụng | 3.538.844 | 3.525.587 | 4.353.081 |
| Tổng giá trị rủi ro thị trường (1) | 464.652 | 403.665 | 604.397 |
| Tổng giá trị rủi ro thanh toán (2) | 5.598 | 16.692 | 17.348 |
| Tổng giá trị rủi ro hoạt động (3) | 208.743 | 171.033 | 193.608 |
| Tổng giá trị rủi ro (4) =(1+2+3) | 678.993 | 591.390 | 815.353 |
| Tỷ lệ vốn khả dụng | | | |
| Giá trị vốn khả dụng / Tổng giá trị rủi ro | 521% | 596% | 534% |

Nguồn: Báo cáo chỉ tiêu an toàn tài chính tại 31/12/2018, 31/12/2019 và năm 2020

Theo quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ tài chính quy định các tổ chức kinh doanh chứng khoán phải đảm bảo tỷ lệ vốn khả dụng tối thiểu không thấp hơn 180%. VCSC luôn duy trì tỷ lệ vốn khả dụng ở mức rất cao, an toàn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 13: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

| Chỉ tiêu | 31/12/2018 | 31/12/2019 | 31/12/2020 |
|---|------------|------------|------------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLĐ / Nợ ngắn hạn | 2,34 | 2,27 | 2,22 |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số Nợ phải trả / Tổng tài sản | 44,0% | 44,0% | 46,1% |
| Hệ số Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu | 78,7% | 78,7% | 85,4% |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu hoạt động | 45,2% | 44,9% | 44,6% |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu | 24,7% | 18,0% | 17,0% |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản | 12,7% | 10,1% | 9,2% |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu hoạt động | 55,1% | 55,5% | 55% |
| Thu nhập trên cổ phần (EPS) | 5.067 | 4.216 | 4.644 |

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2018, 2019, 2020

- Chỉ tiêu về các khả năng thanh toán: Các hệ số thanh toán của VCSC đều lớn hơn 1 (2,34x năm 2018, 2,27x năm 2019 và 2,22x năm 2020) cho thấy mức độ an toàn trong việc đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của công ty là tương đối tốt.
- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu tăng từ 78,7% trong năm 2018 lên 85,4% năm 2020 thấp hơn so với mức giới hạn 300% áp dụng cho công ty chứng khoán.
- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty như Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu hoạt động và Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu hoạt động trong năm 2020 đều đạt kết quả tốt. Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu luôn đạt trên 17% là mức sinh lời cao so với các công ty trong ngành.

VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Thông tin chung về chứng quyền

| | |
|--|--|
| Tên chứng quyền: | Chứng quyền VPB/VCSC/M/Au/T/A4 |
| Tên chứng khoán cơ sở: | Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB) |
| Mã chứng khoán cơ sở | VPB |
| Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: | Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng |
| Loại chứng quyền (mua/bán): | Mua |
| Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ): | Châu Âu |
| Phương thức thực hiện chứng quyền: | Tiền mặt – đồng Việt Nam |
| Thời hạn: | 6 tháng |
| Ngày đáo hạn: | Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ ngày phát hành |
| Tỷ lệ chuyển đổi: | 1:1 (1 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu) |
| Hệ số nhân: | Không có |
| Giá thực hiện: | Từ 40.000 đồng/cổ phiếu đến 90.000 đồng/cổ phiếu Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán |
| Tài sản bảo đảm thanh toán | Ký quỹ |
| Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: | Tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán |
| Tổng số lượng chứng quyền dự kiến chào bán: | 2.000.000 chứng quyền |
| Tổng giá trị chứng quyền dự kiến chào bán: | Từ 4.000.000.000 đồng đến 16.000.000.000 đồng |
| Giá chào bán dự kiến: | Từ 2.000 đồng đến 8.000 đồng |
| Ngày giao dịch theo kế hoạch: | Những ngày mà cả Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội dự kiến mở cửa giao dịch. |
| Sự kiện gián đoạn bổ sung: | Thay đổi luật pháp, nộp đơn phá sản, ngăn ngừa rủi ro, tăng chi phí bảo đảm, sự kiện tiền tệ, công ty cơ sở vỡ nợ. |
| Thời gian định giá: | Thời gian đóng cửa theo lịch biểu của giao dịch có liên quan liên quan đến chứng khoán cơ sở. |
| Phương pháp tính giá chào bán: | Black Scholes Merton |

- Trong giai đoạn ban đầu, chúng tôi sẽ sử dụng phương pháp lựa chọn Black Scholes Merton để tính toán chứng quyền có đảm bảo. Sau khi áp dụng phần mềm tính toán tự động, chúng tôi sẽ sử dụng sự kết hợp của các mô hình nội bộ và tính toán phần mềm. Hướng dẫn giám sát sẽ được thông qua để đảm bảo các biện pháp quản lý rủi ro thận trọng có thể được thực hiện.

- Các tính toán mô hình được trình bày chi tiết dưới đây:
 - ✓ Giả định về tình hình thị trường
 - R - giả định lãi suất kép liên tục
 - D - Giả định lợi suất cổ tức kép liên tục
 - P - Giá của chứng khoán cơ sở
 - ✓ Giả định mô hình
 - σ - Sigma hoặc biến động
 - ✓ Giả định hợp đồng
 - K - Giá thực hiện của chứng quyền có bảo đảm
 - T - Thời gian đáo hạn (năm)
 - C - Tỷ lệ chuyển đổi
 - ✓ Công thức tính
 - (1) $F = \exp((R-Q) * T)$; F là giá tương lai
 - (2) $d1 = (\ln(F / K) + 0,5 (\sigma^2) T) / (\sigma * T^{(0,5)})$
 - (3) $d2 = (\ln(F / K) - 0.5 (\sigma^2) T) / (\sigma * T^{(0,5)})$
 - (4) $N(d1) = \text{NORMDIST}(d1, 0, 1, \text{TRUE})$; Phân phối chuẩn của d1
 - (5) $N(d2) = \text{NORMDIST}(d2, 0, 1, \text{TRUE})$; Phân phối chuẩn của d2, của quyền mua được thực hiện.
 - (6) $N(-d1) = 1 - N(d1)$
 - (7) $n(d1) = \text{NORM.S.DIST}(d1, \text{FALSE})$; Mật độ xác suất của tiêu chuẩn
- Giá quyền mua chứng quyền có đảm bảo = $(\exp(-R * T)) * (F * N(d1) - K * N(d2))$
- Delta Quyền Mua = $(\exp(-Q * T)) * N(d1)$
- Vega = $P * (\exp(-Q * T)) * n(d1) * (T^{0.5})$
- Gamma = $(\exp(-Q * T)) * n(d1) / (P * \sigma * (T^{0.5}))$
- Trong đó, Delta là tỷ lệ thay đổi giá CW so với giá chứng khoán cơ sở*
- Gamma là tỷ lệ thay đổi của Delta so với thay đổi giá của CW*
- Vega là tỷ lệ thay đổi giá trị của danh mục đầu tư theo mức biến động của chứng khoán cơ sở*

Trên cơ sở phương pháp trên, tỷ lệ chuyển đổi được xác định là 1:1 (1 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu) và giá thực hiện là từ 40.000 đồng/cổ phiếu đến 90.000 đồng/cổ phiếu nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro và đảm bảo khả năng thanh toán cho nhà đầu tư tại thời điểm đáo hạn.

| | |
|---|--|
| Các thông tin cụ thể về giá chứng khoán cơ sở: | (Xem thông tin chi tiết phần VI.2) |
| Lãi suất: | Không áp dụng |
| Độ biến động của chứng khoán cơ sở: | 20% - 50% (Độ lệch chuẩn giá chứng khoán cơ sở trong năm 2020 chuẩn hóa theo năm). |

2. Thông tin về chứng khoán cơ sở

2.1 Chứng khoán cơ sở

a. Thông tin chung

| | |
|--|--|
| Tên chứng khoán cơ sở: | Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng |
| Mã chứng khoán cơ sở | VPB |
| Ngày niêm yết: | 17/08/2017 |
| Giá trị vốn hóa (tại ngày 05/08/2021): | 149.248 tỷ đồng |
| Khối lượng bình quân giao dịch 10 ngày: | 9.296.800 cổ phiếu |
| Chỉ số giá/thu nhập hiện tại (P/E): | 13.01 lần |

b. Tình hình biến động giá (đã điều chỉnh) trong năm gần nhất từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020

- Giá giao dịch cao nhất trong năm: 33.000 đồng/cổ phiếu
- Giá giao dịch thấp nhất trong năm 16.950 đồng/cổ phiếu
- Giá tham chiếu của ngày giao dịch đầu năm: 20.550 đồng/cổ phiếu
- Giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối năm: 32.500 đồng/cổ phiếu

2.2 Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở

a. Thông tin chung ⁵

| | |
|------------------------|--|
| Tên công ty: | Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng |
| Logo: |  |
| Trụ sở chính: | Số 89 Láng Hạ, quận Đống Đa, T.P Hà Nội |
| Điện thoại: | 84-(4) 3928 8869 |
| Fax: | 84-(4) 3928 8867 |
| Website: | www.vpb.com.vn |
| Mã chứng khoán: | VPB |
| Ngày niêm yết: | 17/08/2017 |

⁵ Vui lòng xem thêm thông tin tại <http://www.fpt.com.vn>

| | |
|----------------------------|-----------|
| Sàn giao dịch: | HOSE |
| Nhóm ngành: | Tài chính |
| Lĩnh vực hoạt động: | Ngân hàng |

b. Kết quả hoạt động kinh doanh của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở

Bảng 14: Kết quả kinh doanh

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | 2019 | 2020 | % tăng giảm | 6T/2021 |
|--|---------|---------|-------------|---------|
| Tổng giá trị tài sản | 377.204 | 419.026 | 11,09% | 451.767 |
| Vốn chủ sở hữu | 42.210 | 52.794 | 25,07% | 60.012 |
| Nợ phải trả | 334.994 | 366.233 | 9,33% | 391.755 |
| Thu nhập lãi thuần | 30.670 | 32.346 | 5,46% | 18.352 |
| Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ | 2.792 | 3.356 | 20,20% | 2.072 |
| Lãi (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối | (217) | (397) | 82,95% | (36) |
| Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh | 285 | 226 | (20,70)% | 6 |
| Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư | 803 | 1.171 | 45,83% | 1.639 |
| Lãi thuần từ hoạt động khác | 2.020 | 2.236 | 10,69% | 1.065 |
| Lợi nhuận trước thuế | 10.324 | 13.019 | 26,10% | 9.037 |
| Lợi nhuận sau thuế | 8.260 | 10.414 | 26,08% | 7.218 |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2021

Bảng 15: Các chỉ số tài chính chủ yếu năm 2019 và 2020

| Chỉ số tài chính | 2019 | 2020 |
|---|--------|--------|
| Chỉ tiêu về tăng trưởng | | |
| Tăng trưởng thu nhập lãi thuần | 24,2% | 5,46% |
| Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế | 12,2% | 26,10% |
| Tăng trưởng lợi nhuận sau thuế | 12,3% | 26,08% |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | |
| Hệ số Nợ phải trả / Tổng tài sản | 88,8% | 87,4% |
| Hệ số Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu | 793,6% | 693,7% |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu | 21,5% | 19,7% |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản | 2,4% | 2,5% |

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019 và năm 2020

3. Thời gian phân phối chứng quyền

Dự kiến trong vòng 15 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền có hiệu lực

Đối tượng nhà đầu tư bao gồm nhà đầu tư tổ chức và cá nhân. Thời gian phân phối cụ thể sẽ theo thông báo của VCSC.

4. Đăng ký mua và phân phối chứng quyền

Đăng ký mua trực tiếp tại TCPH thực hiện chứng quyền. Trình tự đăng ký như sau:

- **Bước 1:** Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận chào bán chứng quyền, tổ chức phát hành công bố bản cáo bạch và Bản thông báo phát hành trên trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán và của tổ chức phát hành theo pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- **Bước 2:** Nhà đầu tư đến các chi nhánh của TCPH để đăng ký số lượng chứng quyền cần mua và thực hiện thanh toán theo Thông báo của TCPH. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền:

Số tài khoản: 11910000491316 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

- **Bước 3:** TCPH phân bổ chứng quyền cho nhà đầu tư đăng ký, trong trường hợp số lượng chứng quyền đăng ký mua lớn hơn số lượng chứng quyền chào bán thì chứng quyền sẽ được phân phối theo nguyên tắc tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng nhà đầu tư.

- **Bước 4:** TCPH thực hiện các thủ tục đăng ký lưu ký chứng quyền. Sau khi được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng quyền, nhà đầu tư thực hiện lưu ký chứng quyền vào tài khoản chứng khoán

- **Bước 5:** TCPH thực hiện các thủ tục niêm yết chứng quyền tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM. Sau khi được cấp Quyết định niêm yết, chứng quyền sẽ được giao dịch trên hệ thống của Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM.

5. Thực hiện chứng quyền

5.1 Trường hợp thanh toán bằng tiền

- (1) Tổ chức phát hành (TCPH) gửi hồ sơ thông báo thực hiện chứng quyền đầy đủ, hợp lệ đến VSD chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, trong đó có các thông tin sau:
 - Thông tin về ngày đăng ký cuối cùng: Ngày đăng ký cuối cùng là ngày làm việc thứ hai sau ngày giao dịch cuối cùng tại SGDCK. Trường hợp thực hiện chứng quyền do đảo hạn, ngày đăng ký cuối cùng là ngày đảo hạn chứng quyền.
 - Thông tin về ngày thanh toán: Ngày thanh toán là ngày làm việc thứ năm kể từ ngày đăng ký cuối cùng.
- (2) TCPH gửi văn bản thông báo về giá thanh toán chứng quyền đến VSD chậm nhất vào ngày đăng ký cuối cùng.
- (3) Việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền chỉ áp dụng trong trường hợp chứng quyền có lãi.
- (4) Trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của TCPH, VSD lập và gửi cho HSX và các thành viên thông báo về việc chốt danh sách người sở hữu để thực hiện chứng quyền.
- (5) Chậm nhất vào 9h ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng, VSD lập và chuyển danh sách người sở hữu chứng quyền lưu ký dưới dạng chứng từ điện tử cho thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp.

- (6) Thành viên lưu ký (TVLK), tổ chức mở tài khoản trực tiếp có trách nhiệm đối chiếu thông tin người sở hữu chứng khoán trong Danh sách do VSD cung cấp với thông tin do thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp đang quản lý và gửi cho VSD Thông báo xác nhận dưới dạng chứng từ điện tử chậm nhất vào 15h30 ngày làm việc thứ hai kể từ ngày đăng ký cuối cùng để xác nhận chấp thuận hoặc không chấp thuận các thông tin trong Danh sách. Trường hợp không chấp thuận do có sai sót hoặc sai lệch số liệu, Thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp phải gửi thêm cho VSD văn bản trong đó nêu rõ các thông tin sai sót hoặc sai lệch để phối hợp với VSD điều chỉnh. Ngay sau khi điều chỉnh, VSD sẽ cung cấp lại danh sách đã hiệu chỉnh dưới dạng chứng từ điện tử cho TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp.
- (7) Vào ngày làm việc thứ hai sau ngày đăng ký cuối cùng, VSD gửi TCPH danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền.
- (8) TCPH gửi Thông báo xác nhận Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền cho VSD chậm nhất vào ngày làm việc thứ ba sau ngày đăng ký cuối cùng. Trường hợp không chấp thuận thông tin trong danh sách, TCPH phải gửi thông báo bằng văn bản cho VSD nêu rõ lý do.
- (9) Trong vòng một (01) ngày làm việc sau ngày nhận được Thông báo xác nhận của TCPH, VSD gửi văn bản thông báo cho TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp có liên quan xác nhận việc phân bổ tiền do thực hiện chứng quyền.
- (10) Chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày thanh toán tiền, TCPH chuyển đủ số tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền lưu ký vào tài khoản tiền theo thông báo của VSD. Trường hợp chậm chuyển tiền thanh toán, chậm nhất một (01) ngày làm việc trước ngày thanh toán, TCPH phải thông báo bằng văn bản cho VSD nêu rõ lý do chậm chuyển tiền. Căn cứ vào công văn của tổ chức phát hành, VSD sẽ thông báo cho thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp có liên quan.
- (11) Tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền lưu ký được VSD phân bổ vào tài khoản của TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp liên quan trong ngày làm việc liền trước ngày thanh toán. TVLK chịu trách nhiệm phân bổ tiền cho khách hàng sở hữu chứng quyền lưu ký trong ngày thanh toán.
- (12) Trường hợp TCPH thông báo chứng quyền không có lãi và không phải thanh toán cho người sở hữu chứng quyền, trong vòng một (01) ngày làm việc sau ngày nhận được văn bản của TCPH, VSD gửi thông báo cho SGDCK và các thành viên về việc hủy đợt chốt danh sách thực hiện chứng quyền.
 - Số tiền thanh toán cho một đơn vị chứng quyền là số tiền trên một đơn vị chứng quyền trong trường hợp Giá thanh toán lớn hơn Giá thực hiện, được tính từ chênh lệch Giá thanh toán và Giá thực hiện, bằng $[(\text{Giá thanh toán} - \text{Giá thực hiện}) / \text{Tỷ lệ chuyển đổi}]$.
 - Số tiền thanh toán ròng là số tiền thanh toán giảm trừ các chi phí thực hiện quyền (nếu có).
 - Trường hợp nhà đầu tư không đặt lệnh thực hiện chứng quyền, chứng quyền có lãi được tự động thực hiện theo phương thức thanh toán bằng tiền vào ngày đáo hạn.

5.2 Trường hợp chuyển giao chứng khoán cơ sở

Không có

5.3 Các biện pháp xử lý trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán

Trường hợp bị mất khả năng thanh toán, Công ty sẽ sử dụng các nguồn sau để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty đối với người sở hữu chứng quyền có bảo đảm:

- Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh;
- Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại ngân hàng lưu ký

6. Quyền của người sở hữu chứng quyền

6.1 Quyền của người sở hữu chứng quyền mua

Người sở hữu chứng quyền mua được quyền nhận khoản tiền chênh lệch khi giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở cao hơn giá thực hiện (chỉ số thực hiện) tại thời điểm thực hiện.

6.2 Các trường hợp khác

- Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.
- Trong trường hợp chứng quyền bị hủy niêm yết do tổ chức phát hành đình chỉ, tạm ngừng hoạt động; hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động; khi bị phát hiện hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư; do chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết; hoặc không thể xác định được chỉ số chứng khoán vì các nguyên nhân bất khả kháng đã được quy định rõ tại bộ nguyên tắc về xác định chỉ số; hoặc do Sở Giao dịch chứng khoán xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư, thì giá thanh toán được áp dụng là trung bình giá đóng cửa của chứng quyền trong 05 ngày giao dịch liền kề trước ngày hủy niêm yết chứng quyền có hiệu lực.
- Trong vòng 24 giờ kể từ ngày có quyết định hủy niêm yết chứng quyền, Công ty sẽ công bố cách thức xác định giá thanh toán chứng quyền cho người sở hữu chứng quyền từ ngày hủy niêm yết có hiệu lực.
- Kể từ ngày công bố thông tin hủy chứng quyền đến ngày liền trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực, Công ty thực hiện việc mua lại chứng quyền thông qua hoạt động tạo lập thị trường. Giá mua lại là mức giá thanh toán đã công bố và theo quy chế của Sở Giao dịch chứng khoán.

7. Điều chỉnh chứng quyền

7.1 Các trường hợp điều chỉnh chứng quyền

Tổ chức phát hành phải điều chỉnh chứng quyền trong các trường hợp sau: Giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh do tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở chia cổ tức bằng tiền mặt, chia cổ tức bằng cổ phiếu, thưởng cổ phiếu, phát hành cổ phiếu mới, chia tách cổ phiếu...

7.2 Cách thức xác định mức độ điều chỉnh

- Công thức điều chỉnh giá thực hiện và tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền khi chứng khoán cơ sở có sự kiện doanh nghiệp như sau:
 - ✓ Thời điểm thực hiện điều chỉnh: Ngày giao dịch không hưởng quyền của tài sản cơ sở.

- ✓ Giá thực hiện mới = Giá thực hiện cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền / Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).
- ✓ Tỷ lệ chuyển đổi mới = Tỷ lệ chuyển đổi cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền / Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).
- Tỷ lệ thực hiện hoặc giá thực hiện điều chỉnh cần làm tròn tới 4 chữ số thập phân,
- Việc điều chỉnh khác sẽ căn cứ theo quyết định điều chỉnh của Sở Giao dịch Chứng khoán, TCPH sẽ thực hiện điều chỉnh.

8. Các khoản phí, lệ phí, thuế phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền

8.1 Phí, lệ phí, giá dịch vụ phát sinh từ việc giao dịch chứng quyền có bảo đảm

- Phí mua chứng quyền tại Công ty: là giá chào bán chứng quyền x Số lượng chứng quyền đăng ký mua.
- Phí môi giới tại Công ty.
- Phí giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán: 0,02% trên giá trị giao dịch.
- Phí lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam: 0,3 đồng/chứng quyền/tháng.

8.2 Biểu thuế

Theo Công văn hướng dẫn số 1468/BTC-CST ngày 05/02/2018 của Bộ Tài chính về chính sách thuế đối với chứng quyền có bảo đảm, nhà đầu tư sẽ phải chịu mức thuế khi giao dịch chứng quyền có bảo đảm như sau:

a) Về thuế TNCN:

Trường hợp trước ngày đáo hạn, nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền

Thuế được xác định bằng giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần nhân (x) với thuế suất 0,1%.

Trong đó: Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần là giá khớp lệnh chứng quyền trên Sở giao dịch chứng khoán nhân (x) Số lượng chứng quyền.

Trường hợp trước ngày đáo hạn, chứng quyền bị hủy niêm yết

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền được xác định bằng Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần nhân (x) với thuế suất 0,1%.

Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm được tính như sau:

+ Giá mua lại theo mức giá thị trường của tổ chức phát hành thông qua hoạt động tạo lập thị trường nhân (x) số lượng chứng quyền (trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực); hoặc

+ Giá thanh toán chứng quyền do tổ chức phát hành công bố nhân (x) số lượng chứng quyền (sau ngày hủy niêm yết có hiệu lực)

Tại thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền

Tại thời điểm thực hiện quyền chuyển giao bằng tiền, thu nhập của nhà đầu tư áp dụng mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần.

Trong đó, Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần bằng giá thanh toán của chứng khoán cơ sở nhân (x) (Số lượng chứng quyền chia (:)) cho Tỷ lệ chuyển đổi)

b) Về thuế TNDN:

Đối với doanh nghiệp trong nước:

Doanh nghiệp có thu nhập từ chứng quyền có bảo đảm thì khoản thu nhập này phải kê khai, nộp thuế TNDN với mức thuế suất 20% theo quy định.

Khoản chênh lệch tăng/giảm do đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm và tài sản cơ sở cuối năm tài chính, doanh nghiệp không tính vào thu nhập/chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

Đối với doanh nghiệp nước ngoài:

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm áp dụng tỷ lệ thuế 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Trong đó, cách tính giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm từng lần áp dụng tương tự như cách tính thuế TNCN tại công văn 1468.

c) Về thuế GTGT:

Các hoạt động liên quan tới chào bán, niêm yết, giao dịch, tạo lập thị trường, kinh doanh chứng khoán, bù trừ, thanh toán chứng quyền thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

9. Hoạt động tạo lập thị trường

Nhằm đảm bảo thanh khoản cho các chứng quyền đang lưu hành, VCSC có nghĩa vụ tạo lập thị trường cho các chứng quyền do mình phát hành, cụ thể:

9.1 Nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường

- VCSC tham gia đặt lệnh tạo lập thị trường trong vòng (05) phút kể từ khi có một trong các sự việc sau đây xảy ra:
 - ✓ Chỉ có lệnh bên mua hoặc bên bán chứng quyền;
 - ✓ Không có lệnh bên mua và bên bán chứng quyền;
 - ✓ Tỷ lệ chênh lệch giá trên thị trường vượt quá 5%. Tỷ lệ chênh lệch giá là tỷ lệ phần trăm của (giá chào bán thấp nhất - giá chào mua cao nhất)/giá chào mua cao nhất.
- Khi tham gia đặt lệnh, tổ chức tạo lập thị trường phải tuân thủ:
 - ✓ Khối lượng mỗi lệnh tối thiểu là 100 chứng quyền;
 - ✓ Giá đặt lệnh phải đảm bảo không vượt tỷ lệ chênh lệch giá 5%;
 - ✓ Trường hợp không có lệnh mua và lệnh bán chứng quyền, tổ chức tạo lập thị trường phải yết giá hai chiều (đặt cả lệnh chào mua và lệnh chào bán);
 - ✓ Thời gian tồn tại của lệnh trên hệ thống giao dịch tối thiểu là một (01) phút.

9.2 Miễn trừ nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường

Trong các trường hợp sau, VCSC không phải thực hiện hoạt động tạo lập thị trường:

- Đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa, năm (05) phút đầu sau khi kết thúc đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa thị trường và đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa;
- Tài sản cơ sở của chứng quyền bị tạm ngừng giao dịch;

- Khi giá lý thuyết của chứng quyền được tính theo công thức nêu tại bản cáo bạch của VCSC nhỏ hơn hoặc bằng 10 đồng;
- Số lượng chứng quyền trên tài khoản tạo lập thị trường không đáp ứng số lượng tối thiểu 100 chứng quyền, VCSC được miễn đặt lệnh bán;
- Khi chưa có chứng quyền nào được lưu hành (trường hợp VCSC chưa bán được chứng quyền nào cho nhà đầu tư), VCSC được miễn đặt lệnh mua;
- Trường hợp thực hiện hủy niêm yết chứng quyền, VCSC được miễn đặt lệnh bán;
- Giá chứng quyền tăng kịch trần (dư mua trần), VCSC được miễn đặt lệnh bán hoặc Giá chứng quyền giảm kịch sàn (dư bán sàn), VCSC được miễn đặt lệnh mua;
- Giá chứng khoán cơ sở tăng kịch trần (dư mua trần), VCSC được miễn đặt lệnh bán đối với chứng quyền mua;
- Giá chứng khoán cơ sở giảm kịch sàn (dư bán sàn), VCSC được miễn đặt lệnh mua đối với chứng quyền mua;
- Chứng quyền đang ở trạng thái có lãi từ 30% trở lên (tức chứng quyền mua đang có giá chứng khoán cơ sở cao hơn 30% so với giá thực hiện, VCSC được miễn đặt lệnh bán;
- Trong mười bốn (14) ngày trước khi chứng quyền đáo hạn;
- Khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh...
- Các trường hợp khác được SGDK áp dụng sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

VII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Quy trình quản trị rủi ro

1.1 Các vấn đề liên quan đến quản trị rủi ro của VCSC

a. Hệ thống quản trị rủi ro

- VCSC xây dựng, thiết lập và vận hành một hệ thống quản trị rủi ro chung cho toàn Công ty bao gồm một cơ cấu tổ chức hoàn chỉnh và một cơ chế vận hành thống nhất với một bộ quy trình quản trị rủi ro.
- Hệ thống quản trị rủi ro được thiết lập nhằm mục tiêu:
 - ✓ Nhận diện được các rủi ro tiềm năng có thể xảy ra đối với hoạt động kinh doanh chứng quyền của tổ chức phát hành;
 - ✓ Xử lý một cách nhanh chóng và hiệu quả đối với các vấn đề liên quan đến các rủi ro đã được nhận diện;
 - ✓ Đảm bảo tính thống nhất giữa các bộ phận có liên quan trong quá trình quản trị rủi ro, đảm bảo hạn chế ở mức thấp nhất các rủi ro có thể xảy ra trong hoạt động kinh doanh sản phẩm chứng quyền có bảo đảm.
- Hệ thống quản trị rủi ro của Công ty đảm bảo:
 - ✓ Sự tham gia và giám sát chặt chẽ của Ban kiểm soát;

- ✓ Chiến lược quản trị rủi ro rõ ràng, minh bạch thể hiện qua chính sách rủi ro của Công ty trong từng giai đoạn cụ thể;
 - ✓ Kế hoạch triển khai quản trị rủi ro thông qua các chính sách, quy trình đầy đủ;
 - ✓ Công tác quản lý, kiểm tra, rà soát thường xuyên của BOM;
 - ✓ Ban hành và triển khai đầy đủ các chính sách, quy trình quản trị rủi ro và các hạn mức rủi ro, thiết lập hoạt động thông tin quản trị rủi ro phù hợp.
- Hệ thống quản trị rủi ro được xây dựng một cách hiệu quả dựa trên việc phân công trách nhiệm trong toàn công ty, mỗi trường phòng, nhân viên của từng Phòng/ Ban đều có trách nhiệm trong hệ thống quản trị rủi ro thông qua các quy định của pháp luật, các quy trình, chính sách nội bộ của Công ty và được áp dụng thống nhất toàn Công ty.
 - Hệ thống quản trị rủi ro thúc đẩy hiệu quả hoạt động của Công ty thông qua việc nâng cao trách nhiệm, đánh giá năng lực mỗi nhân viên.

Trong hệ thống quản trị rủi ro chung, VCSC tách biệt vận hành quy trình quản trị rủi ro riêng đối với từng hoạt động kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo tính thống nhất trong toàn bộ hệ thống

b. Quy trình quản trị rủi ro

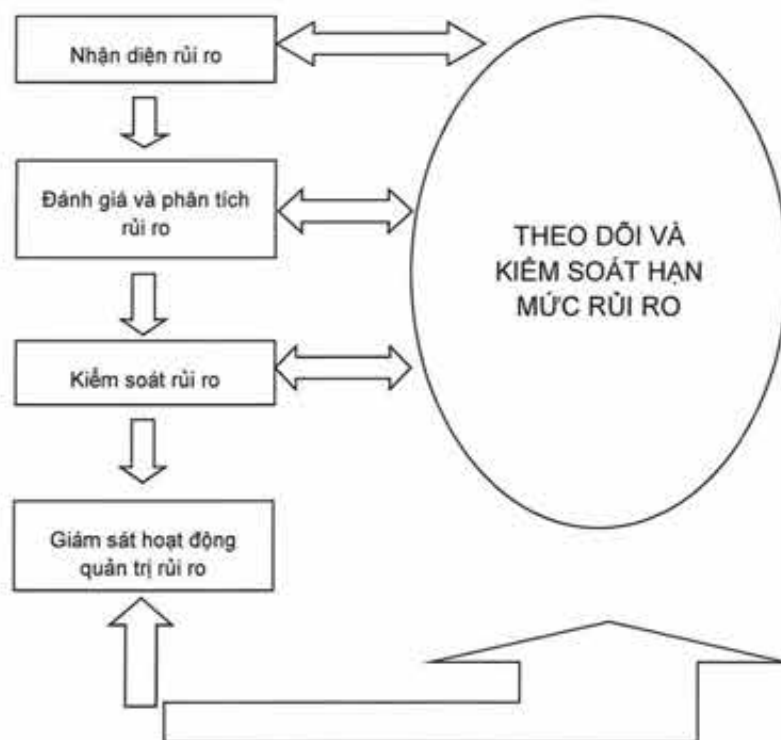
- Hàng năm, VCSC xây dựng và ban hành chính sách rủi ro làm cơ sở cho hoạt động quản trị rủi ro thường xuyên của Công ty, Trong đó, mức độ rủi ro, hạn mức rủi ro và khả năng chấp nhận rủi ro được quy định cụ thể cho từng hoạt động kinh doanh và được Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Hạn mức rủi ro được phân bổ và quản lý theo phương thức từ trên xuống cho từng bộ phận hoặc từng đối tác, giao dịch.
- Trong hoạt động phát hành chứng quyền, VCSC thiết lập một hạn mức rủi ro cho danh mục chứng quyền của VCSC, Đồng thời, xây dựng phương án bảo đảm thanh toán cho người sở hữu chứng quyền và phương án phòng ngừa rủi ro cho từng chứng quyền.
- Hạn mức rủi ro cho danh mục chứng quyền do phòng Đầu tư, phòng Quản lý rủi ro, phòng Phân tích và phòng Kế toán tính toán, thiết lập dựa trên sự phân bổ các nguồn vốn, các yếu tố về rủi ro trọng yếu và khả năng chấp nhận rủi ro tối đa của VCSC.
- Phương án bảo đảm thanh toán cho người sở hữu chứng quyền do phòng Kế toán xây dựng chi tiết, cụ thể cho từng Chứng quyền dựa trên việc cân đối, tính toán các nguồn vốn hay tài sản để đảm bảo cho việc thanh toán thực hiện chứng quyền.
- Phương án PNRR cho từng Chứng quyền do phòng Đầu tư, phòng Phân tích và Phòng Quản trị rủi ro phối hợp xây dựng dựa trên việc tính toán số lượng chứng khoán cơ sở đủ để đảm bảo việc phòng ngừa rủi ro cho hoạt động PHCQ.

c. Mô hình quản trị rủi ro

- Quản trị rủi ro là một quá trình liên tục được vận hành xuyên suốt trong quá trình thực hiện các chiến lược của Công ty, cân bằng giữa nguy cơ và cơ hội, tạo ra một khuôn khổ giúp định hướng sự gia tăng tính hiệu quả của quyết định.
- Quy trình quản trị rủi ro được tích hợp với văn hóa doanh nghiệp, Văn hóa rủi ro tập hợp giá trị cá nhân và doanh nghiệp, thái độ, năng lực, hành vi giúp Công ty xác định phương pháp quản trị rủi ro và xây dựng hệ thống quản trị rủi ro phù hợp.

- Quy trình quản trị rủi ro được vận hành cho toàn bộ Công ty và cho từng hoạt động kinh doanh của VCSC được khái quát theo mô hình dưới đây:

Hình 7: Mô hình quản trị rủi ro



- Bước 1: Nhận diện rủi ro
 - ✓ Quá trình nhận diện rủi ro là việc phát hiện và liệt kê tất cả các yếu tố tác động bên trong và bên ngoài có ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - ✓ Các yếu tố tác động bên trong có thể là những hiện tượng, hành vi vi phạm tuân thủ các quy định của pháp luật, của VCSC hoặc những lỗi do hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống kế toán, bộ phận nghiệp vụ...
 - ✓ Các yếu tố tác động bên ngoài là những yếu tố có thể ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán như lỗi hệ thống giao dịch chung, diễn biến giá chứng khoán cơ sở, thay đổi các chính sách, luật và quy định liên quan đến thị trường chứng khoán và tiền tệ.
 - ✓ Đối với hoạt động PHCQ của VCSC, những rủi ro chính gồm nhưng không giới hạn:
 - **Rủi ro thanh toán:** Rủi ro khi tổ chức phát hành không thể thực hiện được các nghĩa vụ đã cam kết đối với nhà đầu tư, chẳng hạn như tổ chức phát hành chứng quyền bị mất khả năng thanh toán khi nhà đầu tư thực hiện quyền.
 - **Rủi ro thị trường:** Rủi ro do sự thay đổi giá của chứng quyền có bảo đảm và giá của tài sản cơ sở.
 - **Rủi ro pháp lý:** Rủi ro khi tổ chức phát hành vi phạm hoặc không tuân thủ các quy định và quy tắc của pháp luật hiện hành, dẫn đến bị phạt, cảnh cáo, tạm ngừng hoạt động hoặc bị rút giấy phép nghiệp vụ, đăng ký kinh doanh.

- **Rủi ro thanh khoản:** Rủi ro thanh khoản là rủi ro khi chứng khoán cơ sở của Chứng quyền không giao dịch hoặc giao dịch với khối lượng rất thấp khiến cho NĐT không thể đóng trạng thái giao dịch đủ nhanh để ngăn ngừa hoặc giảm thiểu thiệt hại.
- **Bước 2: Đánh giá và phân tích rủi ro**
 - ✓ Dựa trên các rủi ro liệt kê ở bước 1, Phòng Quản trị trong công ty sẽ đánh giá về khả năng hay xảy ra rủi ro đó xảy ra và mức độ tác động.
 - ✓ Dựa vào đánh giá và phân tích mức độ ảnh hưởng và khả năng xảy ra rủi ro, phòng Quản trị rủi ro xây dựng ma trận rủi ro gồm 5 cấp độ rủi ro tương ứng với mức độ ảnh hưởng: rất thấp, thấp, trung bình, cao và rất cao.
 - ✓ Quá trình phân tích và đánh giá rủi ro giúp cho việc xác định được rủi ro trọng yếu ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình tài chính và khả năng hoạt động liên tục của Công ty, từ đó xây dựng các phương pháp xử lý tập trung chủ yếu vào một hoặc một vài rủi ro trọng yếu.
- **Bước 3: Kiểm soát rủi ro**
 - ✓ Việc phân tích, đánh giá rủi ro sẽ giúp công ty xây dựng được chiến lược kiểm soát rủi ro thông qua việc lựa chọn chiến lược giải quyết hay đối phó với các rủi ro cho phù hợp. Các chiến lược thường được áp dụng để giải quyết hay đối phó với rủi ro là: tránh rủi ro, chuyển giao rủi ro, giảm nhẹ rủi ro, chấp nhận rủi ro.
 - ✓ Chẳng hạn, sau khi xác định được các rủi ro trọng yếu, Phòng quản trị rủi ro và phòng ban liên quan cần phối hợp để tính toán và đưa ra các mức cảnh báo hoặc các tham số mục tiêu, từ đó đưa ra các phương án cũng như chiến lược để phòng ngừa rủi ro nhằm kiểm soát các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh chứng quyền của công ty.
- **Bước 4: Giám sát hoạt động quản trị rủi ro**
 - ✓ Hoạt động cuối cùng trong quy trình quản trị rủi ro là hoạt động giám sát và trao đổi thông tin nhằm đánh giá lại toàn bộ quá trình nhận diện rủi ro, phân tích rủi ro, kiểm soát và đối phó với rủi ro của Công ty. Tiến độ thực hiện các kế hoạch kiểm soát rủi ro cho các rủi ro cụ thể cần được thông báo lên cấp trên và các phòng ban liên quan để chủ động thực hiện các hành động sửa chữa phù hợp.
 - ✓ Định kỳ, Phòng quản trị rủi ro thực hiện đánh giá hoạt động quản trị rủi ro và đề xuất các giải pháp điều chỉnh hoạt động quản trị rủi ro, chính sách quản trị rủi ro, báo cáo BOM.

1.2 Vai trò của nhà quản lý cấp cao trong việc theo dõi quản trị rủi ro

a. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị có trách nhiệm thành lập Tiểu ban Quản trị rủi ro hoặc cử thành viên phụ trách để hỗ trợ các vai trò của Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện triển khai hoạt động quản trị rủi ro theo chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro mà Hội đồng quản trị đã phê duyệt.
- Hội đồng quản trị thực hiện các công việc sau:
 - ✓ Tiến hành rà soát và phê duyệt định kỳ hàng năm các chính sách, hạn mức rủi ro.

- ✓ Chỉ đạo xử lý kịp thời các tồn tại trong công tác quản trị rủi ro trên cơ sở các báo cáo của Tổng Giám đốc, Bộ phận quản trị rủi ro và các bộ phận khác có liên quan đến hoạt động quản trị rủi ro.
- ✓ Kiểm tra, đánh giá đầy đủ tính hiệu quả và hiệu lực của Bộ phận quản trị rủi ro.
- Các biên bản được lập đối với các cuộc họp của Hội đồng quản trị với Tổng Giám đốc, bộ phận quản trị rủi ro.

b. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc:

- Tổng Giám đốc có trách nhiệm thành lập Bộ phận Quản trị rủi ro hoạt động độc lập với các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ khác, Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm trưởng bộ phận quản trị rủi ro của Tổng Giám đốc phải được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị.
- Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị trong việc triển khai chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro đã được Hội đồng quản trị phê duyệt.
- Tổng Giám đốc thực hiện các công việc sau:
 - ✓ Xây dựng chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro trình Hội đồng quản trị phê duyệt.
 - ✓ Xây dựng các tiêu chuẩn quản trị rủi ro.
 - ✓ Định kỳ hàng quý báo cáo Hội đồng quản việc triển khai thực hiện quản trị rủi ro, đánh giá tính phù hợp của chính sách rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình quản trị rủi ro.
 - ✓ Đảm bảo hệ thống quản trị rủi ro được hiểu và vận hành thống nhất từ trên xuống dưới trong công ty phù hợp với chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro mà Hội đồng quản trị đã phê duyệt.
 - ✓ Xây dựng và triển khai các quy trình xử lý rủi ro phù hợp với chính sách rủi ro và hạn mức rủi ro, sức chịu đựng rủi ro của công ty chứng khoán.
 - ✓ Đảm bảo các quy trình quản trị rủi ro và bộ phận quản trị rủi ro được thiết lập và tổ chức đầy đủ, rõ ràng, đủ nhân sự và nguồn lực tài chính.
 - ✓ Báo cáo Hội đồng quản trị về trạng thái rủi ro trọng yếu.

c. Trách nhiệm của Phòng quản trị rủi ro:

- Bộ phận quản trị rủi ro có trách nhiệm:
 - ✓ Thường xuyên theo dõi, đánh giá và đo lường các rủi ro của công ty chứng khoán.
 - ✓ Rà soát, điều chỉnh các mô hình định giá và hệ thống đánh giá các công cụ tài chính được sử dụng bởi các bộ phận nghiệp vụ kinh doanh.
 - ✓ Đề xuất các chính sách quản trị rủi ro cho Tổng Giám đốc.
 - ✓ Đề xuất hạn mức rủi ro cho các bộ phận nghiệp vụ.
 - ✓ Đánh giá mức độ rủi ro và trạng thái tập trung rủi ro, thiệt hại thực tế phát sinh và thiệt hại được dự báo bởi bộ phận quản trị rủi ro.
 - ✓ Theo dõi để đảm bảo việc thực hiện trên thực tế các chính sách quản trị rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình xử lý rủi ro mà Hội đồng quản trị đã phê duyệt.
 - ✓ Lập báo cáo định kỳ hàng tháng về quản trị rủi ro thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ để báo cáo Tổng Giám đốc.

- ✓ Trưởng bộ phận quản trị rủi ro thực hiện theo dõi, đánh giá hàng ngày trạng thái rủi ro của công ty chứng khoán.

d. Vai trò quản trị rủi ro tại các bộ phận nghiệp vụ:

- Quản trị rủi ro là bộ phận không mang tính tách rời trong hệ thống quản trị của công ty, Các trưởng phòng/ban có trách nhiệm theo dõi việc thực hiện tuân thủ, quy định quản trị rủi ro đối với từng hoạt động nghiệp vụ.
- Các quy trình thuộc bộ phận nghiệp vụ cần có tối thiểu các nội dung về chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền quyết định, trách nhiệm, các quy định hạn chế rủi ro và các quy tắc đảm bảo nghĩa vụ tuân thủ các quy định pháp luật.

1.3 Sự kiểm soát giao dịch, hạn mức tín dụng và ký quỹ

a. Kiểm soát giao dịch

Kiểm soát rủi ro hoạt động giao dịch chứng khoán ký quỹ là việc Phòng Quản trị rủi ro phối hợp với Phòng DVKH thực hiện các biện pháp giám sát, quản lý đối với các phòng nghiệp vụ để kiểm soát các rủi ro đã được phát hiện, cảnh báo, Theo dõi diễn biến thị trường, các chính sách các văn bản pháp luật để kịp thời phát hiện rủi ro trong hoạt động giao dịch ký quỹ, Các công việc bao gồm:

- Theo dõi, giám sát quá trình tác nghiệp GDKQ của từng cá nhân, từng cán bộ trong phòng nghiệp vụ, Chi nhánh, Phòng giao dịch để đảm bảo tuân thủ đúng quy trình nghiệp vụ, phát hiện những hành vi vi phạm các quy trình nghiệp vụ, vi phạm quy định của pháp luật hoặc các hành vi có thể xâm phạm lợi ích của Công ty, lợi ích của Khách hàng và phòng tránh các rủi ro khác có thể phát sinh.
- Theo dõi, giám sát các giao dịch của các phòng nghiệp vụ có liên quan để đảm bảo các giao dịch của các phòng nghiệp vụ không phát sinh các rủi ro, tuân thủ đúng các quy trình nghiệp vụ, quyền hạn, hạn mức đã được cấp, các yêu cầu về tính minh bạch, sự an toàn của giao dịch và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.
- Theo dõi diễn biến của thị trường để xác định các rủi ro thị trường có thể tác động đến hoạt động GQKQ, Báo cáo Ban lãnh đạo các nội dung liên quan đến hoạt động GQKQ, bao gồm:
 - ✓ Tình hình, kết quả thực hiện mua ký quỹ trong ngày bao gồm Tổng dư nợ cho vay giao dịch mua ký quỹ, tổng mức cho vay GDKQ đối với một Khách hàng, tổng dư nợ cho vay GDKQ của một công ty chứng khoán đối với một loại chứng khoán, tổng số chứng khoán cho vay GDKQ;
 - ✓ Đề xuất về thay đổi các tiêu chí (nếu có);
 - ✓ Tình hình biến động các cổ phiếu trong DMCKKQ (giá, thanh khoản của cổ phiếu, các tiêu chí tài chính...);
 - ✓ Các kiến nghị, đề xuất khác của Phòng Quản trị rủi ro và các phòng ban có liên quan (nếu có).
- Theo dõi các chính sách, các văn bản pháp luật, văn bản pháp quy của Nhà nước và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành để xác định rõ các thay đổi trong chính sách có thể ảnh hưởng, tác động đến hoạt động giao dịch ký quỹ.

b. Hạn mức tín dụng và ký quỹ

- Tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của một công ty chứng khoán không được vượt quá 200% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán.
- Tổng mức cho vay giao dịch ký quỹ của công ty chứng khoán đối với một khách hàng không được vượt quá 3% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán.
- Tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của một công ty chứng khoán đối với một loại chứng khoán không được vượt quá 10% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán.
- Tổng số chứng khoán cho vay giao dịch ký quỹ của một công ty chứng khoán không được vượt quá 5% tổng số chứng khoán niêm yết của một tổ chức niêm yết.

1.4 Tổ chức đánh giá tín dụng:

Không có

2. Phương án phòng ngừa rủi ro dự kiến

2.1 Phương án bảo đảm thanh toán cho người sở hữu chứng quyền

Việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền được bảo đảm bằng các nguồn tài sản sau:

- Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh;
- Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại ngân hàng lưu ký;
- Bảo lãnh thanh toán hoặc tài sản khác (nếu có);

Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần

2.2 Phương án phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền

a. Mục đích phòng ngừa rủi ro

Để tổng chi phí bỏ ra trong suốt thời gian từ khi phát hành đến khi đáo hạn tiến đến gần sát, không được quá chênh lệch khoản phí chứng quyền hợp lý, trong trường hợp nếu có chênh lệch thì chỉ ở mức độ chấp nhận được, Chi phí bỏ ra gồm:

- Chi phí mua/bán tài sản cơ sở cho nhà đầu tư khi chứng quyền được thực hiện
- Chi phí lãi vay khoản tiền dùng để mua tài sản cơ sở trong quá trình phòng hộ
- Phí giao dịch khi mua/bán tài sản cơ sở trong quá trình phòng hộ

Phí chứng quyền hợp lý là mức phí được tính toán theo các công thức định giá quyền chọn (còn gọi là giá lý thuyết) căn cứ trên một mức độ biến động hợp lý của giá tài sản cơ sở

b. Phương án phòng ngừa rủi ro tổng quát

- Nghiệp vụ đảm bảo (Hedging):
 - ✓ (1) Giả định giá (P) sẽ thay đổi ở tần suất của mỗi lần cập nhật giá
 - ✓ (2) Giả định Sigma (Si) sẽ thay đổi bình thường mỗi ngày, ngoại trừ những thời điểm biến động mạnh trên thị trường

- ✓ (3) Nghiệp vụ đảm bảo Delta được duy trì hàng ngày trừ trường hợp có sự biến động lớn khi một trong hai hoặc cả hai biện pháp này có thể được thực hiện
 - (a) Lấy mẫu lại trong ngày thường xuyên của nghiệp vụ đảm bảo Delta
 - (b) Đảm bảo rủi ro gamma và vega

Nghiệp vụ đảm bảo Quyền Mua (Bán) bảo lãnh được thực hiện bằng cách mua (hoặc bán) Delta x Tỷ lệ chuyển đổi chứng khoán cơ sở (C)

Giá của một chứng quyền được bảo đảm tăng và giảm liên quan đến tài sản cơ sở theo thời gian. Tuy nhiên, số tiền (tỉ số hoặc delta) mà giá của chứng quyền được bảo đảm thay đổi, phụ thuộc vào việc chứng quyền được bảo đảm là ITM, ATM hay OTM. Delta của chứng quyền được bảo đảm nằm trong phạm vi từ 0 đến +1 đối với quyền mua.

- Chứng khoán phòng ngừa rủi ro:
 - ✓ Chứng khoán cơ sở của chứng quyền,
 - ✓ Các loại chứng khoán khác có cùng CKCS của chứng quyền (nếu có),
- Vị thế phòng ngừa rủi ro:
 - ✓ Hệ số phòng ngừa rủi ro: Delta
 $\Delta \text{ Quyền Mua} = (\exp(-Q * T)) * N(d1)$
 - ✓ Giá định về tình hình thị trường:
 - R - giá định lãi suất kép liên tục
 - D - Giá định lợi suất cổ tức kép liên tục
 - P - Giá của chứng khoán cơ sở
 - ✓ Giá định mô hình:
 - Si - Sigma hoặc biến động
 - ✓ Giá định hợp đồng:
 - K - Giá thực hiện của chứng quyền có bảo đảm
 - T - Thời gian đáo hạn (năm)
 - C - Tỷ lệ chuyển đổi
 - ✓ Công thức tính:
 - (1) $F = \exp((R-Q) * T)$; F là giá tương lai
 - (2) $d1 = (\ln(F / K) + 0,5 (Si^2) T) / (Si * T^{(0,5)})$
 - (3) $d2 = (\ln(F / K) - 0,5 (Si^2) T) / (Si * T^{(0,5)})$
 - (4) $N(d1) = \text{NORMDIST}(d1, 0, 1, \text{TRUE})$; Phân phối chuẩn của d1
 - (5) $N(d2) = \text{NORMDIST}(d2, 0, 1, \text{TRUE})$; Phân phối chuẩn của d2, của quyền mua được thực hiện
 - (6) $N(-d1) = 1 - N(d1)$
 - (7) $n(d1) = \text{NORM,S,DIST}(d1, \text{FALSE})$; Mật độ xác suất của tiêu chuẩn

Giá quyền mua chứng quyền có đảm bảo = $(\exp(-R * T)) * (F * N(d1) - K * N(d2))$

Vega = $P * (\exp(-Q * T)) * (n(d1) * (T ^ 0,5))$

Gamma = $(\exp(-Q * T)) * n(d1) / (P * S_i * (T ^ 0,5))$

✓ Công thức tính toán vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết:

Mua – if ((giá CKCS hiện tại <= giá thực hiện), số lượng chứng quyền * tỷ lệ chuyển đổi * [giá CKCS hiện tại – giá thực hiện] – Delta * số lượng chứng quyền * tỷ lệ chuyển đổi, 0)

Bán – if ((giá CKCS hiện tại >= giá thực hiện), số lượng chứng quyền * tỷ lệ chuyển đổi * [giá thực hiện – giá CKCS hiện tại] – Delta * số lượng chứng quyền * tỷ lệ chuyển đổi, 0)

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

1. Ngân hàng nhận ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán

| | |
|------------------------------|---|
| Tên ngân hàng: | Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa |
| Tên viết tắt: | BIDV |
| Địa chỉ trụ sở chính: | 66 Phó Đức Chính, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh |
| Điện thoại: | +84 (0) 28 3821 8812 |
| Website | www.bidv.com.vn |

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, tiền thân là Ngân hàng Kiến thiết Việt Nam, được thành lập theo Quyết định 177/TTg ngày 26/04/1957 của Thủ tướng Chính phủ, với chức năng ban đầu là cấp phát và quản lý vốn kiến thiết cơ bản từ nguồn vốn ngân sách phục vụ tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Ngày 08/11/1994 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 654/QĐ-TTg về việc chuyển giao nhiệm vụ cấp phát vốn ngân sách và tín dụng theo Kế hoạch nhà nước từ BIDV về Tổng cục Đầu tư (trực thuộc Bộ Tài chính) và Quyết định 293/QĐ-NH9 ngày 18/11/1994 của Thống đốc NHNN Việt Nam cho phép BIDV được kinh doanh đa năng như một Ngân hàng Thương mại, BIDV đã thực hiện những bước chuyển đổi cấu trúc cơ bản, định hướng kinh doanh mạnh mẽ theo hướng một ngân hàng thương mại đa năng, hoạt động đa ngành, kinh doanh đa lĩnh vực vì mục tiêu lợi nhuận. Những nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên BIDV đã góp phần tích cực trong sự nghiệp đổi mới kinh tế, thực hiện công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước; khẳng định vai trò và vị trí của BIDV trong hoạt động ngân hàng; và đặc biệt, đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận với danh hiệu "Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới".

Qua 62 năm trưởng thành và phát triển, đến nay BIDV là một trong bốn ngân hàng thương mại lớn nhất ở Việt Nam, được tổ chức hoạt động theo mô hình Ngân hàng thương mại cổ phần, trong đó Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối.

Hoạt động chính của BIDV là thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thanh toán giữa các tổ chức và cá nhân; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu, các giấy tờ có giá khác và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép.

2. Tổ chức kiểm toán

Tên công ty: Công Ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



Tên viết tắt: PwC Việt Nam

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84 (0)28 3823 0796

Website www.pwc.com

PwC Việt Nam thành lập văn phòng tại Hà Nội và Tp, HCM năm 1994 với đội ngũ chuyên gia hơn 1000 người Việt Nam và nước ngoài am hiểu sâu sắc môi trường kinh doanh tại Việt Nam. PwC Việt Nam cung cấp các dịch vụ tư vấn về chính sách và thủ tục đầu tư, thuế, pháp luật, kế toán và tư vấn tài chính doanh nghiệp trên cả nước, PwC Việt Nam có một công ty luật được Bộ Tư pháp cấp giấy phép có trụ sở chính tại Tp, HCM và chi nhánh tại Hà Nội.

IX. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Chúng tôi và các chi nhánh của chúng tôi tham gia vào một loạt các hoạt động ngân hàng đầu tư, đầu tư, môi giới và các hoạt động khác và có thể có các thông tin quan trọng về Công ty và / hoặc các CKCS hoặc phát hành hoặc cập nhật các báo cáo nghiên cứu về Công ty và / hoặc CKCS. Các hoạt động, thông tin và / hoặc các báo cáo nghiên cứu như vậy có thể liên quan đến hoặc ảnh hưởng đến Công ty và / hoặc các CKCS và có thể gây ra những hậu quả bất lợi cho Nhà đầu tư hoặc tạo ra mâu thuẫn quyền lợi liên quan đến việc phát hành Chứng quyền. Chúng tôi không có nghĩa vụ công bố những thông tin như vậy và có thể phát hành báo cáo nghiên cứu và tham gia vào bất kỳ hoạt động nào như vậy mà không liên quan đến việc phát hành Chứng quyền.

Trong quá trình kinh doanh thông thường, chúng tôi và các chi nhánh của chúng tôi có thể thực hiện các giao dịch cho tài khoản của chúng tôi hoặc cho các khách hàng của chúng tôi và có thể tham gia vào một hoặc nhiều giao dịch liên quan đến Công ty và / hoặc các CKCS hoặc các sản phẩm phái sinh liên quan. Điều này có thể gián tiếp ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà đầu tư.

VCSC không phải là người có liên quan của Ngân hàng lưu ký và tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở.

X. CÁC CHỨNG QUYỀN BẢO ĐẢM MÀ CÔNG TY ĐÃ PHÁT HÀNH VÀ ĐANG NIÊM YẾT

a/ Chứng quyền VNM/VCSC/M/Au/T/A2

1. Tên chứng quyền: **Chứng quyền VNM/VCSC/M/Au/T/A2**
2. Mã chứng quyền: CVNM2106
3. Tên (mã) chứng khoán cơ sở: VNM
4. Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
5. Số lượng chứng quyền đang niêm yết: 1.000.000 chứng quyền
6. Giá thực hiện: 100.000 đồng
7. Tỷ lệ chuyển đổi: 5:1
8. Thời hạn: 06 tháng
9. Thời gian đáo hạn: 13/01/2022

b/ Chứng quyền HPG/VCSC/M/Au/T/A2

1. Tên chứng quyền: **Chứng quyền HPG/VCSC/M/Au/T/A2**
2. Mã chứng quyền: CHPG2109
3. Tên (mã) chứng khoán cơ sở: HPG
4. Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
5. Số lượng chứng quyền đang niêm yết: 1.000.000 chứng quyền
6. Giá thực hiện: 55.000 đồng
7. Tỷ lệ chuyển đổi: 1:1
8. Thời hạn: 06 tháng
9. Thời gian đáo hạn: 10/01/2022

c/ Chứng quyền STB/VCSC/M/Au/T/A1

1. Tên chứng quyền: **Chứng quyền STB/VCSC/M/Au/T/A1**
2. Mã chứng quyền: CSTB2105
3. Tên (mã) chứng khoán cơ sở: STB
4. Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
5. Số lượng chứng quyền đang niêm yết: 1.000.000 chứng quyền
6. Giá thực hiện: 30.000 đồng
7. Tỷ lệ chuyển đổi: 1:1
8. Thời hạn: 06 tháng
9. Thời gian đáo hạn: 10/01/2022

d/ Chứng quyền FPT/VCSC/M/Au/T/A3

1. Tên chứng quyền: **Chứng quyền FPT/VCSC/M/Au/T/A3**
2. Mã chứng quyền: CFPT2102
3. Tên (mã) chứng khoán cơ sở: FPT
4. Tên tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Công ty Cổ phần FPT

5. Số lượng chứng quyền đang niêm yết: 1.000.000 chứng quyền
6. Giá thực hiện: 90.000 đồng
7. Tỷ lệ chuyển đổi: 1:1
8. Thời hạn: 06 tháng
9. Thời gian đáo hạn: 10/01/2022

XI. CAM KẾT

VCSC cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong bản cáo bạch này.

XII. PHỤ LỤC

- ✓ Nghị quyết Hội đồng Quản trị thông qua quyết định chào bán chứng quyền có bảo đảm

Tp, HCM, ngày 09 tháng 08 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN THANH PHƯƠNG

TRƯỜNG BAN KIỂM SOÁT



TRƯƠNG NGỌC HOÀI PHƯƠNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



TÔ HẢI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐOÀN MINH THIỆN

XÁC NHẬN CỦA NGÂN HÀNG LƯU KÝ



PHÓ GIÁM ĐỐC
Hồng Văn Sơn

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT**

Về việc: Phát hành, niêm yết và chào bán các loại chứng quyền có bảo đảm

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2017/NQ-ĐHĐCĐ.VCSC dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản về việc phát hành và niêm yết chứng quyền có bảo đảm ngày 12/09/2017;
- Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ.VCSC về việc phát hành và niêm yết chứng quyền có bảo đảm ngày 22/04/2019;
- Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng quản trị vào ngày 09./09./2021 về việc phát hành và niêm yết các loại chứng quyền có bảo đảm.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Bản Việt ("VCSC" hoặc "Công ty") phát hành và niêm yết các loại chứng quyền có bảo đảm với nội dung chi tiết sau:

- 1.1 Thông tin chi tiết về việc phát hành, chào bán và niêm yết mã chứng quyền có bảo đảm tại phụ lục đính kèm văn bản này.
- 1.2 Quy định về quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư sở hữu chứng quyền:
 - Quyền được thanh toán bằng tiền hoặc chuyển giao chứng khoán cơ sở theo điều kiện và phương thức do VCSC công bố trong bản cáo bạch của từng đợt chào bán.
 - Quyền được thanh toán bằng tiền khi chứng quyền bị hủy niêm yết theo quy định của pháp luật.
 - Quyền chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế, cầm cố, vay mượn trong các quan hệ dân sự theo quy định của pháp luật hiện hành.
 - Quyền được ưu tiên thanh toán trong trường hợp VCSC bị giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật.
 - Các quyền khác theo quy định của pháp luật cho phép tùy từng thời điểm.
- 1.3 Thông qua phương án bảo đảm thanh toán cho nhà đầu tư theo mã chứng quyền trong phụ lục đính kèm văn bản này.

Điều 2: Ủy quyền cho Tổng giám đốc thực hiện và nộp hồ sơ phát hành và niêm yết chứng quyền có bảo đảm tại Ủy Ban Chứng Khoán, Sở giao dịch chứng khoán, và Trung tâm lưu ký chứng khoán theo quy định của pháp luật.

Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký, và lập thành 3 bản gốc có giá trị thực hiện như nhau.

Nơi nhận:

- Lưu HC – NS

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



NGUYỄN THANH PHƯỢNG

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở MSN

Đợt phát hành năm 2021 (Series) - 3

| | |
|---|---|
| Tên chứng quyền: | Chứng quyền MSN/VCSC/M/Au/T/A3 |
| Tên (mã) chứng khoán cơ sở: | Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN) |
| Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: | Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan |
| Loại chứng quyền (mua/bán): | Mua |
| Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ): | Châu Âu |
| Phương thức thực hiện chứng quyền: | Tiền mặt – đồng |
| Thời hạn: | 6 tháng |
| Ngày phát hành dự kiến: | Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt |
| Ngày đáo hạn: | Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành |
| Tỷ lệ chuyển đổi: | 5:1 (5 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu) |
| Giá thực hiện: | Từ 90.000 đồng/cổ phiếu đến 160.000 đồng/cổ phiếu. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán |
| Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: | tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán. |
| Giá chào bán: | Từ 2.000 đồng đến 8.000 đồng |
| Tổng số lượng chào bán: | 2.000.000 chứng quyền |
| Tổng giá trị chào bán: | Từ 4.000.000.000 đồng đến 16.000.000.000 đồng |
| Phương thức phát hành: | Phát hành chứng quyền ra công chúng |

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở MWG

Đợt phát hành năm 2021 (Series) - 5

| | |
|---|--|
| Tên chứng quyền: | Chứng quyền MWG/VCSC/M/Au/T/A5 |
| Tên (mã) chứng khoán cơ sở: | Cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động (MWG) |
| Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: | Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động |
| Loại chứng quyền (mua/bán): | Mua |
| Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ): | Châu Âu |
| Phương thức thực hiện chứng quyền: | Tiền mặt – đồng |
| Thời hạn: | 6 tháng |
| Ngày phát hành dự kiến: | Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt |
| Ngày đáo hạn: | Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành |
| Tỷ lệ chuyển đổi: | 5:1 (5 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu) |
| Giá thực hiện: | Từ 110.000 đồng/cổ phiếu đến 210.000 đồng/cổ phiếu. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán |
| Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: | tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán. |
| Giá chào bán: | Từ 2.000 đồng đến 8.000 đồng |
| Tổng số lượng chào bán: | 2.000.000 chứng quyền |
| Tổng giá trị chào bán: | Từ 4.000.000.000 đồng đến 16.000.000.000 đồng |
| Phương thức phát hành: | Phát hành chứng quyền ra công chúng |

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở VPB

Đợt phát hành năm 2021 (Series) - 4

| | |
|---|--|
| Tên chứng quyền: | Chứng quyền VPB/VCSC/M/Au/T/A4 |
| Tên (mã) chứng khoán cơ sở: | Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB) |
| Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: | Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng |
| Loại chứng quyền (mua/bán): | Mua |
| Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ): | Châu Âu |
| Phương thức thực hiện chứng quyền: | Tiền mặt – đồng |
| Thời hạn: | 6 tháng |
| Ngày phát hành dự kiến: | Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt |
| Ngày đáo hạn: | Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành |
| Tỷ lệ chuyển đổi: | 1:1 (1 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu) |
| Giá thực hiện: | Từ 40.000 đồng/cổ phiếu đến 90.000 đồng/cổ phiếu. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán |
| Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: | tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán. |
| Giá chào bán: | Từ 2.000 đồng đến 8.000 đồng |
| Tổng số lượng chào bán: | 2.000.000 chứng quyền |
| Tổng giá trị chào bán: | Từ 4.000.000.000 đồng đến 16.000.000.000 đồng |
| Phương thức phát hành: | Phát hành chứng quyền ra công chúng |

PHỤ LỤC

Thông tin chi tiết về đợt chào bán chứng quyền có bảo đảm cho chứng khoán cơ sở TCB Đợt phát hành năm 2021 (Series) - 3

| | |
|---|--|
| Tên chứng quyền: | Chứng quyền TCB/VCSC/M/Au/T/A3 |
| Tên (mã) chứng khoán cơ sở: | Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (TCB) |
| Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: | Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam |
| Loại chứng quyền (mua/bán): | Mua |
| Kiểu thực hiện (châu Âu/Mỹ): | Châu Âu |
| Phương thức thực hiện chứng quyền: | Tiền mặt – đồng |
| Thời hạn: | 6 tháng |
| Ngày phát hành dự kiến: | Thời gian cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt |
| Ngày đáo hạn: | Ngày tròn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày phát hành |
| Tỷ lệ chuyển đổi: | 1:1 (1 chứng quyền tương đương 1 cổ phiếu) |
| Giá thực hiện: | Từ 36.000 đồng/cổ phiếu đến 80.000 đồng/cổ phiếu. Giá thực hiện cụ thể do Tổng Giám đốc quyết định tại thời điểm chào bán |
| Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: | tối thiểu là 50% giá trị loại chứng quyền dự kiến chào bán. |
| Giá chào bán: | Từ 2.000 đồng đến 8.000 đồng |
| Tổng số lượng chào bán: | 2.000.000 chứng quyền |
| Tổng giá trị chào bán: | Từ 4.000.000.000 đồng đến 16.000.000.000 đồng |
| Phương thức phát hành: | Phát hành chứng quyền ra công chúng |



HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC
Về việc cung cấp dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ bảo đảm
thanh toán

Số: 03/2019/TT/BIDVHTH-VCSC

GIỮA

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT
(TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM)

VÀ

NGÂN HÀNG TMCP ĐT&PT VIỆT NAM – CHI NHÁNH NAM KỶ KHỞI
NGHĨA
(NGÂN HÀNG LƯU KÝ)



Doan Dieu Tu Quynh
Human Resources Manager



HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Về việc cung cấp dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ bảo đảm thanh toán

Hợp đồng nguyên tắc về việc cung cấp dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ bảo đảm thanh toán (“**Hợp Đồng**”) được ký kết vào ngày 05 tháng 7 năm 2019 bởi và giữa các bên:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Giấy phép thành lập số: 68/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (UBCKNN) cấp ngày 06/11/2007.

Địa chỉ: Tầng 15, Tháp Tài chính Bitexco, Số 2 Hải Triều, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : (028) 3914 3588

Fax: (028) 3914 3209

Đại diện : Ông Đinh Quang Hoàn

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Theo giấy ủy quyền

(Sau đây gọi tắt là “**Bên A**” hoặc “**”**” hoặc “**Tổ Chức Phát Hành chứng quyền**”)

Và

BÊN B: NGÂN HÀNG TMCP ĐT&PT VIỆT NAM – CHI NHÁNH NAM KỲ KHÔI NGHĨA

Giấy phép HĐLK: Quyết định số 106/QĐ-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 14 tháng 5 năm 2003

Địa chỉ: 66 Phó Đức Chính, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại:

028 38218812

Fax: 028 38218813

Đại diện:

Chức vụ:

Phó Giám đốc làm đại diện

Theo giấy ủy quyền số 917/QĐ-BIDV về việc ủy quyền ký và tổ chức thực hiện các hợp đồng, văn bản có liên quan đến hoạt động đại lý lưu ký, ngân hàng giám sát, thanh toán bù trừ và kinh doanh chứng khoán tại Chi nhánh do Người đại diện theo pháp luật của BIDV ký ngày 27 tháng 11 năm 2018.

(Sau đây gọi tắt là “**Bên B**” hoặc “**BIDV – Nam Kỳ Khởi Nghĩa**” hoặc “**Ngân hàng lưu ký**”)

XÉT RẰNG:

- (a) Bên A là Công ty Chứng khoán có chức năng phát hành chứng quyền có bảo đảm theo quy định của Pháp luật Việt Nam, và mong muốn hợp tác một Ngân hàng có chức năng lưu ký, quản lý tài sản ký quỹ cho Bên A;
- (b) Bên B là ngân hàng thương mại được thành lập tại Việt Nam, có giấy phép hoạt động lưu ký do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp sẵn sang hợp tác để cung cấp các dịch vụ đáp ứng yêu cầu của Bên A phù hợp theo quy định của Pháp luật;

hợp tác để cung cấp các dịch vụ đáp ứng yêu cầu của Bên A phù hợp theo quy định của Pháp luật;

NAY, VÌ VẬY, Các Bên đồng ý ký kết “**Hợp Đồng**” này với các điều khoản và điều kiện sau đây:

1. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Trong phạm vi “**Hợp Đồng**” này, các thuật ngữ được hiểu như sau:

- “**Người Sở Hữu Chứng Quyền**” là nhà đầu tư bao gồm các cá nhân, tổ chức sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của Tổ Chức Phát Hành và không phải là tổ chức phát hành chứng quyền.
- “**Tài sản bảo đảm**” là tiền gửi hoặc chứng chỉ tiền gửi của Bên A ký quỹ tại Bên B hoặc Thư bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng lưu ký. Tài sản bảo đảm này không được dùng để cầm cố, thế chấp, làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay hoặc các nghĩa vụ tài chính khác của Bên A hay của bất của bên thứ ba khác.
- “**Danh sách Người Sở Hữu Chứng Quyền**” là danh sách do Tổ chức phát hành chứng quyền gửi cho Ngân hàng lưu ký có đầy đủ thông tin của Người Sở Hữu Chứng Quyền.
- “**Hợp đồng quản lý tài sản ký quỹ bảo đảm**” là hợp đồng được hai Bên ký kết sau khi Bên A được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền cho từng đợt Phát hành chứng quyền.

2. MỤC ĐÍCH VÀ THỜI HẠN KÝ QUỸ

- a) Mục đích: Ký quỹ đảm bảo khả năng thanh toán/Bảo lãnh đảm bảo khả năng thanh toán cho từng đợt Phát hành chứng quyền của Bên A.
- b) Thời hạn ký quỹ, số tiền ký quỹ và hình thức ký quỹ sẽ được quy định cụ thể tại Hợp đồng quản lý tài sản ký quỹ bảo đảm giữa Bên A và Bên B sau khi Bên A được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền cho từng đợt Phát hành chứng quyền.

3. PHÍ DỊCH VỤ

Phí dịch vụ, cách tính và thời hạn thanh toán sẽ được hai Bên quy định cụ thể tại từng Hợp đồng quản lý tài sản ký quỹ bảo đảm giữa hai Bên.

4. CAM KẾT CỦA BÊN A

- a) Thực hiện ký quỹ Tài sản đảm bảo để bảo đảm khả năng thanh toán cho từng đợt phát hành chứng quyền theo quy định của pháp luật;
- b) Khi có sự thay đổi bất kỳ liên quan đến giá trị Tài sản đảm bảo của Bên A, Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B để thực hiện nghĩa vụ báo cáo các cơ quan chức năng có liên quan;
- c) Thực hiện ký quỹ bổ sung để đáp ứng tỷ lệ ký quỹ tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- d) Thực hiện chứng quyền bằng tài sản ký quỹ tại Ngân hàng lưu ký hoặc thanh toán cho Người Sở Hữu Chứng Quyền khi Tổ chức phát hành chứng quyền thực hiện sử dụng chính Tài sản bảo đảm để chi trả cho Người Sở Hữu Chứng Quyền;



TY
HÀNG
KHỐI
VIỆT
HỒ CHỢ



